



Báo cáo
Đánh giá Rủi ro Thiên Tai và Thích ứng biến đổi khí hậu
Dựa Vào Cộng đồng
Xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam

MỤC LỤC

A. Giới thiệu chung	4
1. Vị trí địa lý	4
2. Đặc điểm địa hình	4
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu	4
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	5
5. Phân bố dân cư, dân số	5
6. Hiện trạng sử dụng đất đai	5
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế	6
B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	7
1. Lịch sử thiên tai	7
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	8
3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	9
4. Đối tượng dễ bị tổn thương	10
5. Hạ tầng công cộng	10
a) Điện	10
b) Đường và cầu cống	10
c) Trường	11
d) Cơ sở Y tế	12
e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	12
f) Chợ	12
6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)	12
7. Nhà ở	13
8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	13
9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến	13
10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	14
11. Hoạt động sản xuất kinh doanh	14
12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	15
13. Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH	15
14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	17
15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TU'BĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)	21
C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	22
1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng	22
2. Hạ tầng công cộng	24
3. Công trình thủy lợi	27
4. Nhà ở	28
5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	31
6. Y tế và quản lý dịch bệnh	35
7. Giáo dục	38

8. Rừng.....	41
9. Trồng trọt	42
10. Chăn nuôi	45
11. Thủy Sản	47
12. Du lịch.....	47
13. Buôn bán và dịch vụ khác	47
14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	50
15. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH.....	53
16. Giới trong PCTT và BĐKH.....	Error! Bookmark not defined.
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	58
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	62
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH	62
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	65
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã.....	68
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	68
E. Phụ lục	68
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	68
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	69
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá.....	
Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	79

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Duy Trinh là xã đồng bằng cách trung tâm huyện 5 km về phía Tây, phía Đông giáp Thị Trấn Nam Phước; phía Tây giáp xã Duy Châu; phía Nam tiếp giáp với xã Duy Sơn ở hướng Tây Nam và Duy Trung ở hướng Đông Nam; phía Bắc giáp các xã vùng Gò Nổi thuộc huyện Điện Bàn. Địa bàn có tuyến tỉnh lộ ĐT 610 dài 3,5 km. Đường sắt Bắc - Nam dài 2 km; có sông Thu Bồn dài 3 km.

2. Đặc điểm địa hình

Địa hình đồi núi và thung lũng, đây là phần lớn diện tích tự nhiên của xã (khoảng 40%).

Địa hình gò đồi và cồn cát: chiếm 15% tổng diện tích tự nhiên. Địa hình gò đồi chủ yếu tập trung ở Tây Nam của xã; Dạng địa hình này thích hợp cho phát triển cây lâu năm và hoa màu.

Địa hình đồng bằng: Chiếm khoảng 45% tổng diện tích tự nhiên. Địa hình này chủ yếu dùng để bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng; cũng là nơi sinh hoạt và hoạt động sản xuất của nhân dân.

Đặc điểm thủy văn

- Thuộc lưu vực sông: Thu Bồn
- Các thông tin liên quan đến cơ chế dòng chảy sông ở thượng lưu: bắt nguồn từ núi Ngọc Linh thuộc huyện Nam Trà My-tỉnh Quảng Nam

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

T T	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Quảng Nam năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	25,4-27,5	9-10	Tăng 1,4 ⁰ C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38	4-7	Tăng 1,6 ⁰ C-2,4 ⁰ C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	20	12	Giảm khoảng 1,6 ⁰ C -1,8 ⁰ C
4	Lượng mưa Trung bình	Mm	1,392-2,388		Tăng 25 ^{mm}

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Quảng Nam năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Chiêm Sơn	636	103	2568	1345	1223	34	22
2	Đông Yên	650	209	2626	1398	1228	39	15
3	Phú Bông	630	197	2413	1301	1112	23	7
4	Thị Lai	210	76	844	427	417	11	5
	Tổng số	2.126	585	8.451	4.471	3.980	107	49

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	2000,98
1	Nhóm đất Nông nghiệp	
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	874,69
1.1.1	Đất lúa nước	206,45
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	108,47
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	-
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	14,70

1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	517,56
1.2.1	Đất rừng sản xuất	190,66
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	326,9
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	0
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	0,9
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	0
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	4
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	610,03
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	492,34
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	50
	- Đất ở	49

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính
1	Trồng trọt	2,96	970	2 tấn(ha)	60%
2	Chăn nuôi	1,29	1350	54 (triệu VND/năm)	80%
3	Nuôi trồng thủy sản	0		(ha)	
4	Đánh bắt hải sản	0		(tấn)	
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp	77,9	27	70 (triệu VND/năm)	60%
6	Buôn bán	16,15	35	60(triệu VND/năm)	85%
7	Dệt vải, chổi	1,0	60	48 (triệu VND/năm)	95%
8	Ngành nghề khác- công nhân may	0,7	300	48 (triệu VND/năm)	85%

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng	
2009	Bão	04 thôn	Chiêm Sơn Đông Yên Phú Bông Thị Lai	Số người chết/mất tích:	2Nam	Nữ
				Số người bị thương:	3	2
				Số nhà bị thiệt hại:	19	
				Số trường học bị thiệt hại:	1	
				Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
				Số km đường bị thiệt hại:	5	
				Số ha rừng bị thiệt hại:	5	
				Số ha ruộng bị thiệt hại:	9	
				Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0	
				Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0	
				Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	60 hộ, 2 cơ sở	
				Các thiệt hại khác (Chợ)	1	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế	21,8 tỷ	
2013	Bão	Toàn xã	Chiêm Sơn Đông Yên Phú Bông Thị Lai	Số người chết/mất tích:	Nam	Nữ
				Số người bị thương:	2	1
				Số nhà bị thiệt hại:	80	
				Số trường học bị thiệt hại:	3	
				Số trụ sở UBND xã thiệt hại:	1	
				Số Cty/HTX bị thiệt hại:	2	
				Ước tính thiệt hại kinh tế:	11,6 tỷ	
2016	Bão	02 thôn	Phú Bông Thị Lai	Số ha hoa màu bị thiệt hại:	6,5	
				Các thiệt hại khác (gia súc gia cầm)	710	
				Ướt thiệt hại	300 triệu	

2009, 2017	Ngập lụt	04 thôn	Chiêm Sơn	Số người chết/mất tích:	0Nam	0Nữ			
				Số người bị thương:	26	25			
				Đông Yên	Số nhà bị thiệt hại:	98			
					Phú Bông	Số trường học bị thiệt hại:	6		
						Thi Lai	Số km thủy lợi bị thiệt hại:	6,5	
							Số km đường bị thiệt hại:	250m	
							Số trạm bơm bị thiệt hại:	1	
							Số ha hoa b màu thiệt hại:	4	
							Số con gia súc gia cầm bị thiệt hại:	3,000	
							Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0,9	
							Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	10.500 mét vãi, 45 máy dệt	
							Các thiệt hại khác (Trụ điện, đứt dây điện). Cá bị thiệt hại	12 trụ 1,3 km 1,8 tấn	
							Ước tính thiệt hại kinh tế:	100 tỷ	
							2009-2017	Sạc lở bờ sông, suối	03 thôn
Số người bị thương:	0								
Phú Bông	Số ha hoa màu bị thiệt hại:	15							
	Thi Lai	Số trạm bơm bị thiệt hại:	1						
		Thiệt hại khác (bồi lấp đất SX/ha)	13						

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

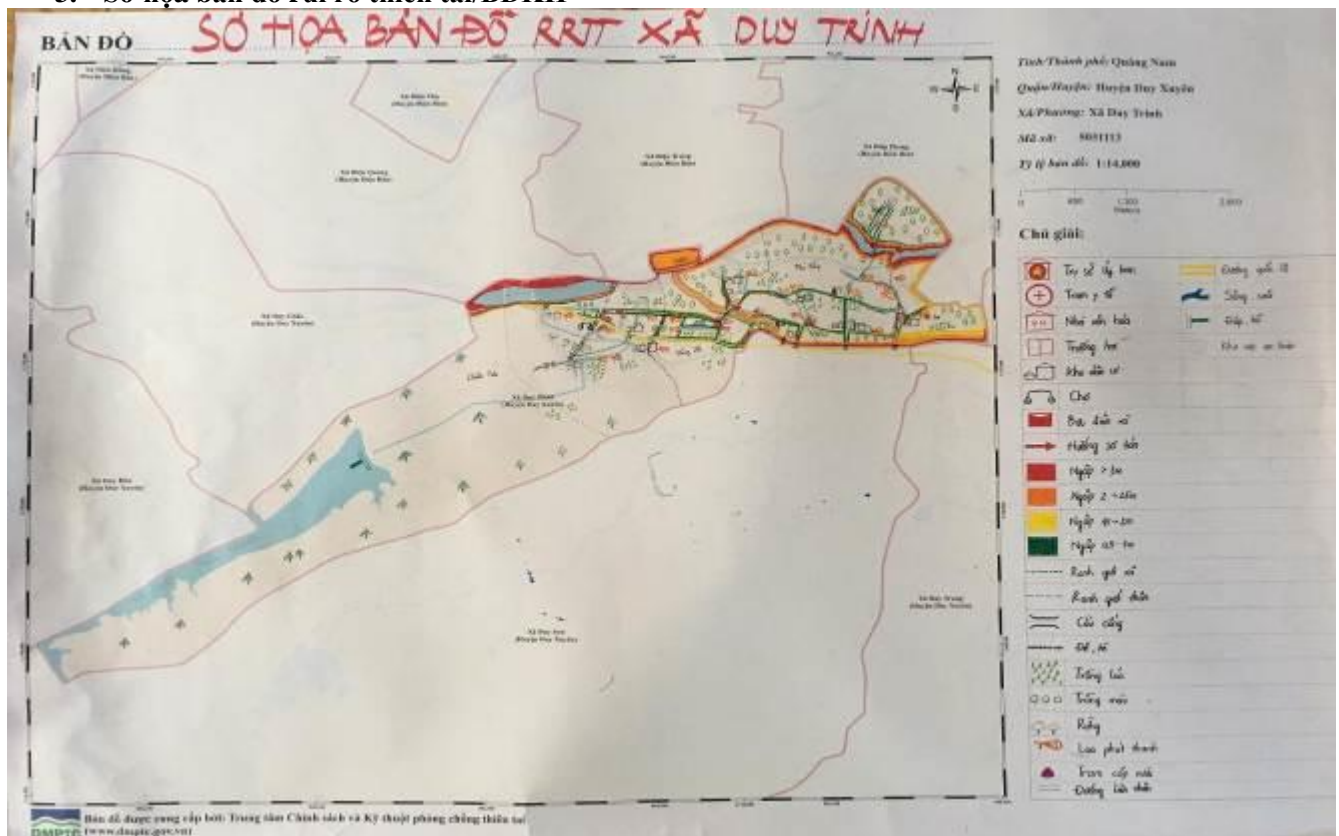
Số TT	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến ¹	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Chiêm Sơn	Cao	Tăng	Cao
		Đông Yên	Cao	Tăng	Cao
		Phú Bông	Cao	Tăng	Cao
		Thi Lai	Cao	Tăng	Cao
2	Ngập lụt	Chiêm Sơn	Cao	Tăng	Cao

¹ Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT

		Đông Yên	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Phú Bông	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Thi Lai	Cao	Tăng	Cao
3	Sạc lở bờ sông, suối	Chiêm Sơn	Cao	Tăng	Cao
		Phú Bông	Cao	Tăng	Cao
		Thi Lai	Cao	Tăng	Cao

Nhận xét : địa bàn vùng trũng, thấp, ven sông, ảnh hưởng do xả lũ của hồ chứa thủy điện, gây ngập úng sâu, nước chảy mạnh. Kinh nghiệm ứng phó còn chủ quan, người dân chưa được trang bị kiến thức và kỹ năng PCTT, nên hạn chế trong công tác PCTT. Cơ sở hạ tầng ngày càng được xây dựng nhiều làm ảnh hưởng đến dòng chảy và nước ngập nhiều ngày.

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



4. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Chiêm Sơn	126	205	201	428	99	156	382	34	76	11	31	19	34	0	0
2	Phú Bông	86	165	257	421	79	286	341	23	68	13	22	15	23	0	0
3	Đông Yên	61	147	265	437	81	279	376	31	68	21	24	21	39	0	0
4	Thi Lai	37	98	84	278	41	113	223	9	16	6	19	5	11	0	0
Tổng :		310	615	807	1.564	300	834	1.322	97	228	51	96	60	107	0	0

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
1	Cột điện	Chiêm Sơn Đông Yên Phú Bông Thi Lai	Từ 1992	Cột	68 75 61 30	
2	Dây điện	Chiêm Sơn Đông Yên Phú Bông Thi Lai	Từ 1992	Km	3,4 3,7 3 1,5	
3	Trạm điện	Chiêm Sơn Đông Yên Phú Bông Thi Lai	Từ 1992	Trạm	3 5 4 2	

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường						
	Đường quốc lộ				0		
	Đường huyện	Đông yên Chiêm Sơn	1994	Km	1,1 2,4		
	Đường xã	Chiêm Sơn	1994	Km		10	

		Đông Yên Thị Lai Phú Bông					
	Đường thôn	Chiêm Sơn Đông Yên Thị Lai Phú Bông	1994	Km		8,7	
	Đường nội đồng	Chiêm Sơn Đông Yên Thị Lai Phú Bông	1994	Km			12
	Cầu, Cống				Kiên cố	Yếu	Tạm
	Cầu giao thông	Đông Yên Thị Lai Phú Bông	1994	Cái		4 2 1	
	Cống giao thông	Đông Yên	1994	Cái		1	

c) Trường

TT	Trường	Thôn ²	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Mầm non³						
1.1	Trường mẫu giáo Duy Trinh – cơ sở Chiêm Sơn	Chiêm Sơn	2009	4	X		
1.2	Trường mẫu giáo Duy Trinh	Đông Yên	2009	8	X		
1.3	Trường mẫu giáo Duy Trinh – cơ sở Phú Bông	Phú Bông	2009	2	X		
2	Trường Tiểu học						
2.1	Trường Tiểu học Duy Trinh – cơ sở Chiêm Sơn	Chiêm Sơn	2008	4	x		
2.2	Trường Tiểu học Duy Trinh	Đông Yên	2008	10	x		
3	Trường THCS						
3.1	Trường THCS Phù Đổng	Đông Yên	2008	10	x		

² Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê

³ Nếu có nhiều điểm trường thì phải thống kê từng điểm trường

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trạm y tế	Đông Yên	2007	5	13	x		
2	Cơ sở khám tư nhân	Phú Bông		0	1	x		

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trụ Sở UBND	Đông Yên	2009	Phòng	23		
2	Nhà văn hóa xã	Đông Yên	2010	Cái	1		
3	Nhà văn hóa thôn	Chiêm Sơn Đông Yên Phú Bông Thị Lai	2011 2010 2006 2008	Cái	1 1 1 1		

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Chợ huyện/xã	Chiêm Sơn Đông Yên	2015 2017	Cái	1 1		
2	Chợ tạm/chợ cóc	Đông Yên	2006	Cái			1

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, công, hồ, đê kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
	Đê	km					
	Kè	Km		2015		0,1	
	Kênh mương	Km	Chiêm Sơn: 3 Đông Yên: 3 Phú Bông: 3 Thị Lai: 2,45	2014	11,45	2 3 2 1,55	
	Công thủy lợi	Cái	Chiêm Sơn: 3 Đông Yên: 3 Phú Bông: 3	2015	12		

			Thị Lai: 3				
	Đập thủy lợi	Cái	Phú Bông	2015	1		
	Trạm bơm	Cái	Phú Bông	2014	1		

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Chiêm Sơn	636	26	595	9	6
2	Đông Yên	650	17	617	9	7
3	Phú Bông	630	32	584	8	6
4	Thị Lai	210	9	186	9	6
	Tổng	2.126	84	1.982	35	25

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hợp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Chiêm Sơn	636	636	0	0	0	636	564	1	71
2	Đông Yên	650	650	0	0	0	650	634	0	16
3	Phú Bông	630	630	0	1	0	630	568	9	53
4	Thị Lai	210	210	0	0	0	210	179	4	27
	Tổng	2.126	2.126	0	0	0	2.126	1.945	14	167

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Đỏ mắt	10	7	8	40	5
2	Sốt xuất huyết	8	0	0	04	0
3	Viêm đường hô hấp	100	400	350	80	50
4	Tay chân miệng	12	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa	0	250	0	0	0

6	Bệnh ngoài da	10	20	30	5	2
	Tổng cộng:	140	677	388	129	57

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

T	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1	Rừng sản xuất (rừng keo)	1990	Chiêm Sơn Đông Yên	190,66	70% 60%	0 0 0	Thu nhập từ keo	Dân quản lý
2	Rừng phòng hộ quanh hồ chứa nước tưới Vĩnh Trinh ⁴	2011	Chiêm Sơn	326,9	70%	0	Thu nhập từ keo	72ha do UBND xã quản lý và 254,9
	Tổng			517,56				

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Tổng số thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (hoạt động chủ lực)	Tỷ lệ thường xuyên bị thiệt hại
1	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	375 ha 108,47 14,7	4 thôn	789 213	61%	Lúa	25% 30%
2	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	5.168 con 190.400	4 thôn	349 1.001	65%	Bò và vịt	5-10%
3	Trồng dâu, nuôi tằm	8ha	Đông Yên	20	50%		0
4	Buôn bán và dịch vụ	Hộ	4 thôn	402	55%	Các doanh nghiệp	5%
5	Ngành nghề (công nhân cty Sedo)	Người	Toàn xã	700	60%	0	0

⁴ Có hai loại cây là cây keo và cây thông, rừng thông là mới đi vào khai thác.

6	Nghề làm chổi	Hộ	Chiêm Sơn	80	90%	Chổi	0
7	Nghề dệt vải	Hộ	4 thôn	60	70%	0	0

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	99	4 thôn
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	98	4 thôn đều có loa phát thanh
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	16 loa mạng lưới 4 loa không dây	4 thôn
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	95	4 thôn
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	%	70-80	4 thôn
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	%	50	4 thôn

13. Phòng chống thiên tai/TUĐDKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	04	- Chiêm Sơn - Đông Yên - Phú Bông - Thi Lai
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	03	Mẫu Giáo Duy Trinh Tiểu học Duy Trinh THCS Phù Đổng
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	0	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	19	

	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	05	Vai trò ⁵
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	02	0
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	20	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'ĐKH dựa vào cộng đồng	Người	0	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	2 thuyền máy ở xã , 503 ghe thô sơ, 3 thuyền máy trong dân	- Chiêm Sơn (93) - Thi Lai (210) - Phú Bông (100)
	- Áo phao	Chiếc	40	
	- Phao cứu sinh	Chiếc	20	
	- Loa	Chiếc	4 cầm tay 49 loa dây	- Chiêm Sơn - Đông Yên - Phú Bông - Thi Lai
	- Đèn pin	Chiếc	10	Trong ban PCTT
8	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	01	Đông Yên
	- Lều bạt	Chiếc	01	Bị hư
	- Xe vận tải	Chiếc	20	
9	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	5 kg	Hóa chất Cloramin B khử trùng

⁵ (1) Phụ trách công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của phụ nữ trong công tác phòng chống thiên tai và chỉ huy lực lượng phụ nữ tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thiên tai trên địa bàn xã. (2) Tham mưu UBND xã đảm bảo kế hoạch kinh phí phục vụ cho công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai gây ra. Giải quyết nhu cầu kinh phí cần thiết phục vụ hoạt động cho công tác PCTT&TKCN. (3) Theo dõi kiểm tra và đôn đốc công tác PCTT-TKCN trên lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp. (4) Tham mưu UBND xã cứu trợ xã hội cho nhân dân ở những địa bàn, vùng bị ảnh hưởng do thiên tai. (5) Tham mưu UBND xã kịp thời cứu trợ những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra.

- Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	10 kg	Bông băng, cùn, gạc, thuốc cấp cứu tại chỗ
--	--------	-------	--

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ ĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi gia súc gia cầm, thiếu vốn sản xuất - 60% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường - Chăn nuôi tập trung trong khu vực dân cư - Chưa có hầm chứa nước thải chăn nuôi - 121 hộ làm nghề trồng trọt trong đó nữ 59 hộ. - Diện tích đất màu bị bồi lấp sau mỗi trận ngập lụt lớn nên không sản xuất được. 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng lúa và chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn - Diện tích trồng trọt 110,625 ha 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu việc làm, thu nhập thấp bấp bênh khi có thiên tai xảy ra - Lúa ngập úng, mất trắng - Gia súc gia cầm chết, trôi 	<p>Cao:</p> <p>Chưa có ngành nghề thay thế, tạo thu nhập khi có thiên tai xảy ra</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh, - Dịch bệnh: lở mồm long móng, tai xanh, cúm H5N1 - Giá cả không ổn định - Giá cả thu mua nông sản không cao so với chi phí đầu vào của người làm nghề trồng trọt. - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Công tác chính trang đồng ruộng còn thấp - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết công lao động nữ - 80% nữ tham gia hoạt động chăn nuôi, 60% nữ tham gia hoạt động trồng lúa - Liên kết các doanh nghiệp đầu tư - Thu hút các nhà đầu tư trong chăn nuôi - Các doanh nghiệp xây dựng phương án - Sử dụng các giống có khả năng chịu đựng thời tiết bất thường (gió, lạnh, sương muối, sâu bệnh) để cho năng suất cao. - Áp dụng KHCN vào sản xuất như: công cụ sạ hàng, máy gặt đập liên hợp nên tiết kiệm thời gian. 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân không tiêm phòng 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự trữ thức ăn trước mùa 		

		<p>vắc xin trên đàn gia súc</p> <ul style="list-style-type: none"> - 85% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường, nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra xung quanh khu dân cư - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi huấn kỹ thuật trồng trọt 	<p>thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chăn nuôi trang trại chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh - Hộ dân đã tính đến yếu tố chắn chống cây trồng - 30% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 		
Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi gia súc gia cầm, thiếu vốn sản xuất - 60% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường - Chăn nuôi tập trung trong khu vực dân cư - Chưa có hầm chứa nước thải chăn nuôi - 121 hộ làm nghề trồng trọt trong đó nữ 59 hộ. - Diện tích đất màu bị bồi lấp sau mỗi trận ngập lụt lớn nên không sản xuất được. 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng lúa và chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn - Diện tích trồng trọt 86,115ha, trong đó 21, 3 ha đất màu 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu việc làm, thu nhập thấp bấp bênh khi có thiên tai xảy ra - Lúa ngập úng, mất trắng - Gia súc gia cầm chết, trôi 	<p>Cao:</p> <p>Chưa có ngành nghề thay thế, tạo thu nhập khi có thiên tai xảy ra</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh, - Dịch bệnh: lở mồm long móng, tai xanh, cúm H5N1 - Giá cả không ổn định - Giá cả thu mua nông sản không cao so với chi phí đầu vào của người làm nghề trồng trọt. - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Công tác chính trang đồng ruộng còn thấp - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết công lao động nữ - 80% nữ tham gia hoạt động chăn nuôi, 60% nữ tham gia hoạt động trồng lúa - Liên kết các doanh nghiệp đầu tư - Thu hút các nhà đầu tư trong chăn nuôi - Các doanh nghiệp xây dựng phương án - Sử dụng các giống có khả năng chịu đựng thời tiết bất thường (gió, lạnh, sương muối, sâu bệnh) để cho năng suất cao. - Áp dụng KHCN vào sản xuất như: công cụ sạ hàng, máy gặt đập liên hợp nên tiết kiệm thời gian. 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân không tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc - 85% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường, nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra xung quanh khu dân cư 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự trữ thức ăn trước mùa thiên tai - Hộ chăn nuôi trang trại chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh - Hộ dân đã tính đến yếu tố 		

		<ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi huấn kỹ thuật trồng trọt 	<ul style="list-style-type: none"> chăn chống cây trồng - 30% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 		
Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi gia súc gia cầm, thiếu vốn sản xuất - 60% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường - Chăn nuôi tập trung trong khu vực dân cư - Chưa có hầm chứa nước thải chăn nuôi - 121 hộ làm nghề trồng trọt trong đó nữ 59 hộ. - Diện tích đất màu bị bồi lấp sau mỗi trận ngập lụt lớn nên không sản xuất được. 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng lúa và chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn - Diện tích trồng trọt 112,625 ha trong đó diện tích đất màu là 41,9ha 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu việc làm, thu nhập thấp bấp bênh khi có thiên tai xảy ra - Lúa ngập úng, mất trắng - Gia súc cầm chết, trôi 	Cao: Chưa có ngành nghề thay thế, tạo thu nhập khi có thiên tai xảy ra
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh, - Dịch bệnh: lở mồm long móng, tai xanh, cúm H5N1 - Giá cả không ổn định - Giá cả thu mua nông sản không cao so với chi phí đầu vào của người làm nghề trồng trọt. - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Công tác chinh trang đồng ruộng còn thấp - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết công lao động nữ - 80% nữ tham gia hoạt động chăn nuôi, 60% nữ tham gia hoạt động trồng lúa - Liên kết các doanh nghiệp đầu tư - Thu hút các nhà đầu tư trong chăn nuôi - Các doanh nghiệp xây dựng phương án - Sử dụng các giống có khả năng chịu đựng thời tiết bất thường (gió, lạnh, sương muối, sâu bệnh) để cho năng suất cao. - Áp dụng KHCN vào sản xuất như: công cụ sạ hàng, máy gặt đập liên hợp nên tiết kiệm thời gian. 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân không tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc - 85% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường, nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra xung quanh khu dân cư - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi huấn kỹ thuật trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự trữ thức ăn trước mùa thiên tai - Hộ chăn nuôi trang trại chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh - Hộ dân đã tính đến yếu tố chăn chống cây trồng - 30% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 		
Thị Lai	210	<p>*VC:</p>	<p>*VC:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 	Cao:

		<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi gia súc gia cầm, thiếu vốn sản xuất - 60% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường - Chăn nuôi tập trung trong khu vực dân cư - Chưa có hầm chứa nước thải chăn nuôi - 121 hộ làm nghề trồng trọt trong đó nữ 59 hộ. - Diện tích đất màu bị bồi lấp sau mỗi trận ngập lụt lớn nên không sản xuất được. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trồng lúa và chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn - Diện tích trồng trọt 71,19 ha trong đó diện tích đất màu là 15,9ha 	<p>việc làm, thu nhập thấp bấp bênh khi có thiên tai xảy ra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa ngập úng, mất trắng - Gia súc gia cầm chết, trôi 	<p>Chưa có ngành nghề thay thế, tạo thu nhập khi có thiên tai xảy ra</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh, - Dịch bệnh: lở mồm long móng, tai xanh, cúm H5N1 - Giá cả không ổn định - Giá cả thu mua nông sản không cao so với chi phí đầu vào của người làm nghề trồng trọt. - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Công tác chính trang đồng ruộng còn thấp - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết công lao động nữ - 80% nữ tham gia hoạt động chăn nuôi, 60% nữ tham gia hoạt động trồng lúa - Liên kết các doanh nghiệp đầu tư - Thu hút các nhà đầu tư trong chăn nuôi - Các doanh nghiệp xây dựng phương án - Sử dụng các giống có khả năng chịu đựng thời tiết bất thường (gió, lạnh, sương muối, sâu bệnh) để cho năng suất cao. - Áp dụng KHCN vào sản xuất như: công cụ sạ hàng, máy gặt đập liên hợp nên tiết kiệm thời gian. 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân không tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc - 85% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường, nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra xung quanh khu dân cư - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi huấn kỹ thuật trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự trữ thức ăn trước mùa thiên tai - Hộ chăn nuôi trang trại chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh - Hộ dân đã tính đến yếu tố chèn chống cây trồng - 30% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 		

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

T	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn Chiêm Sơn	Thôn Phú Bông	Thôn Đông Yên	Thôn Thi Lai	Khả năng của xã
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	85%	87%	89%	90%	Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng					
	- Điện	0	0	0	0	Thấp
	- Đường và cầu cống	60%	60%	60%	60%	Trung bình
	- Trường	70%	70%	70%		Cao
	- Trạm	0	50%	0	0	Trung bình
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	70%	70%	70%	70%	Cao
	- Chợ	75%	75%			Cao
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	30%	30%	30%	30%	Thấp
4	Kỹ năng và kiến thức chống chọi nhà cửa	90%	91%	94%	92%	Cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	48%	55%	51%	50%	Trung bình
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	40%	45%	46%	45%	Thấp
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	75%	0	0	0	Cao
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	34%	41%	45%	50%	Thấp
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	90%	90%	90%	90%	Cao
	Năng lực Giảm RR thiên tai và thích ứng với BĐKH chung của từng thôn	Thấp: Thiếu kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi và kiến thức giữ gìn vệ sinh	Thấp: Thiếu kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi. Ý	Thấp: Thiếu kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi. Ý thức vệ sinh phòng	Thấp: Thiếu kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi. Ý	

			và môi trường. Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân chưa cao.	thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân chưa cao.	ngừa dịch bệnh của hộ dân chưa cao.	thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân chưa cao.	
--	--	--	---	--	-------------------------------------	--	--

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ ĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có điểm để sơ tán người già và trẻ em - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán - Chưa có nhà tránh trú bão, lụt của cộng đồng - 90% hộ dân không có áo phao <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 25% nhóm đối tượng DBTT (50% nữ) - 103 hộ phụ nữ làm chủ hộ - 34 hộ nghèo, 22 hộ cận nghèo - Thiếu lực lượng hỗ trợ di dời nhóm đối tượng DBTT <p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% hộ dân chưa nhận được thông tin về diễn biến điều tiết nước và khu vực xả lũ - 50% hộ dân chưa tiếp cận được dịch vụ Inetrnet và CNTT - 50% người dân không biết bơi (nữ chiếm 60%) 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số các hộ dân tìm nhà cao tầng trong thôn để sơ tán trước khi có thiên tai xảy ra - 10% hộ dân có áo phao <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75% lực lượng lao động. - Huy động lực lượng xung kích sơ tán di dời các nhóm DBTT đến nơi an toàn <p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> -70% hộ dân tiếp cận được thông tin, -50% hộ tiếp cận được CNTT - 50% người dân biết bơi (nữ chiếm 40%) 	<p>Nguy cơ bị đuối nước</p> <p>Nguy cơ thiếu điểm sơ tán cho nhóm đối tượng DBTT</p>	<p>Cao: nhiều đối tượng DBTT, thiếu kỹ năng bơi lội, thiếu thông tin về thiên tai</p>
	Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có điểm để sơ tán người già và trẻ em - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán - Chưa có nhà tránh trú bão, lụt <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ tán di dời các nhóm DBTT đến nơi an toàn - Đa số các hộ dân tìm nhà cao tầng trong thôn để sơ tán trước khi có thiên tai xảy ra 	<p>Nguy cơ bị đuối nước</p> <p>Nguy cơ thiếu điểm sơ tán cho nhóm đối tượng DBTT</p>	<p>Cao: nhiều đối tượng DBTT, thiếu kỹ năng</p>	

		<p>của cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - 85% hộ dân không có áo phao 	<ul style="list-style-type: none"> - 15% hộ dân có áo phao 	<p>tượng DBTT</p>	<p>boi lội, thiếu thông tin về thiên tai</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 45% nhóm đối tượng DBTT (50% nữ) - 209 hộ nữ làm chủ hộ, 39 hộ nghèo, 15 hộ cận nghèo - Thiếu lực lượng hỗ trợ di dời nhóm đối tượng DBTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 65% lực lượng lao động. - Huy động lực lượng xung kích sơ tán di dời các nhóm DBTT đến nơi an toàn 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% hộ dân chưa nhận được thông tin về diễn biến điều tiết nước và khu vực xả lũ - 50% hộ dân chưa tiếp cận được - 50% người dân không biết bơi (nữ chiếm 60%) 50% người dân không biết bơi 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% lực lượng lao động. - 70% hộ dân tiếp cận được thông tin - 50% hộ tiếp cận được CNTT - 50% người dân biết bơi (nữ chiếm 40%) 		
Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có điểm để sơ tán người già và trẻ em - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán - Chưa có nhà tránh trú bão, lụt của cộng đồng - 85% hộ dân không có áo phao 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số các hộ dân tìm nhà cao tầng trong thôn để sơ tán trước khi có thiên tai xảy ra - 15% hộ dân có áo phao 	<p>Nguy cơ bị đuối nước</p> <p>Nguy cơ thiếu điểm sơ tán cho nhóm đối tượng DBTT</p>	<p>Cao:</p> <p>nhiều đối tượng DBTT, thiếu kỹ năng bơi lội, thiếu thông tin về thiên tai</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 46% nhóm đối tượng DBTT (50% nữ) - 197 hộ nữ làm chủ hộ, 23 hộ nghèo, 7 hộ cận nghèo - Thiếu lực lượng hỗ trợ di dời nhóm đối tượng DBTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 65% lực lượng lao động. - Huy động lực lượng xung kích sơ tán di dời các nhóm DBTT đến nơi an toàn 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ dân chưa nhận được thông tin về diễn biến điều tiết nước và khu vực xả lũ - 50% hộ dân chưa tiếp cận được dịch vụ Inetrnet và CNTT - 50% người dân không biết bơi (nữ chiếm 60%) 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% người dân biết bơi (nữ chiếm 40%) - 80% hộ dân tiếp cận được thông tin - 50% hộ tiếp cận được CNTT - 64% lực lượng lao động. 		
Thị Lai	210	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có điểm để sơ tán người già và trẻ em - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán - Chưa có nhà tránh trú bão, lụt của cộng đồng - 80% hộ dân không có áo phao 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số các hộ dân tìm nhà cao tầng trong thôn để sơ tán trước khi có thiên tai xảy ra - 20% hộ dân có áo phao 		

		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 11% nhóm đối tượng DBTT (50% nữ) - 76 hộ nữ làm chủ nhiệm, 11 hộ nghèo, 5 hộ cận nghèo 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 89% lực lượng lao động. - Huy động lực lượng xung kích sơ tán di dời các nhóm DBTT đến nơi an toàn 	
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ dân chưa nhận được thông tin về diễn biến điều tiết nước và khu vực xả lũ - 50% hộ dân chưa tiếp cận được dịch vụ Inetrnet và CNTT - 50% người dân không biết bơi (nữ chiếm 60%) 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ dân tiếp cận được thông tin - 50% hộ tiếp cận được CNTT - 50% người dân biết bơi (nữ chiếm 40%) 	

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa bàn thấp trũng, đường nội đồng bằng đất thường xuyên bị ngập lụt trong mùa mưa, thời gian ngập kéo dài 3-7 ngày có nguy cơ cao xói mòn, sạt lở gây ách tắc giao thông - Đường nội đồng bằng đất (12 km) sạt lở - Điện sẽ gián đoạn khi có thiên tai xảy ra - Giao thông đi lại khó khăn - Chợ Vò chiêm bị tốc mái - 90% trụ điện kéo vào nhà dân làm bằng trụ tre không đảm bảo an toàn khi có thiên tai - Cột điện, dây điện và trạm điện xây dựng dựng lâu năm - Dây điện đứt không đảm bảo an toàn cho tính mạng 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1,1km đường nhựa giao thông liên huyện. - 10 km đường bê tông liên xã, - 8,7km đường bê tông liên thôn - 1 NVH thôn kiên cố, 1 chợ xã kiên cố - 1 trường mẫu giáo, tiểu học Duy Trinh (8 phòng) - 68 cột điện kiên cố, 3,4 dây điện. Có 3 trạm điện 	<ul style="list-style-type: none"> - Đường giao thông sạt lở, đi lại khó khăn - Khó tiếp cận thông tin về tình hình thiên tai - Mất điện khi có thiên tai xảy ra 	Cao: cơ sở hạ tầng xây dựng lâu năm, địa bàn nằm vùng trũng thấp
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động lực lượng khắc phục sau thiên tai - Huy động lực lượng, dân quân, TN XK sửa chữa đường 		
			<p>*NT/KN:</p>	<p>*NT/KN:</p>		

		<ul style="list-style-type: none"> - 100% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 30% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn - 35% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu chợ 	<ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 70% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn - 65% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu chợ 		
Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 công giao thông xuống cấp. - 4 cầu giao thông xuống cấp - 1 chợ tạm - Điện sẽ gián đoạn khi có thiên tai xảy ra - Giao thông đi lại khó khăn - Trụ sở UBND xã, trường THCS Phù Đồng, trường mẫu giáo tốc la phong. - Chưa có nhà tránh trú an toàn 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3,7km điện kiên cố và 75 trụ điện, 5 trạm điện - 1,1km đường nhựa giao thông liên huyện - Trụ sở UBND, 1 NVH xã, 1 NVH thôn, 1 chợ kiên cố - 01 trạm y tế kiên cố (5 giường, 13 phòng) - 3 trường THCS Phú Đông (10 phòng), Tiểu học Duy Trinh (10 phòng), MG Duy Trinh (8 phòng) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đường giao thông sạt lở, đi lại khó khăn - Khó tiếp cận thông tin về tình hình thiên tai. - Nguy cơ không có nơi để sơ tán đảm bảo an toàn cho nhóm đối tượng DBTT 	<p>Cao: địa bàn vùng thấp, ngập lụt sâu từ 1,5-3m, đường giao thông nội đồng bằng đất, đi lại khó khăn, nhóm đối tượng dễ bị tổn thương cao, chưa có nhà tránh trú an toàn, thông tin liên lạc bị gián đoạn do mất điện.</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động lực lượng, dân quân, TN XK sửa chữa đường - Huy động nguồn lực tại địa phương 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 30% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn - 35% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu chợ 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 70% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn - 65% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu chợ 		
Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 cầu giao thông xuống cấp - Điện sẽ gián đoạn khi có thiên tai xảy ra - Giao thông đi lại khó khăn 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3km điện kiên cố và 61 trụ điện, 4 trạm điện - 1 NVH thôn - 01 cơ sở phòng khám 	<ul style="list-style-type: none"> - Đường giao thông sạt lở, đi lại khó khăn - Khó tiếp 	<p>Cao: cơ sở hạ tầng xây dựng</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Trường Mẫu giáo bị trốc mái. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 MG Duy Trinh (CS Phú Bông: 2 phòng) 	<ul style="list-style-type: none"> cận thông tin về tình hình thiên tai - Mất điện khi có thiên tai xảy ra 	<ul style="list-style-type: none"> lâu năm, địa bàn nằm vùng trũng thấp 	
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động lực lượng, dân quân, TN XK sửa chữa đường - Huy động nguồn lực tại địa phương 			
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 30% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn - 35% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu chợ 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 70% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn - 65% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu chợ 			
		<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 cầu giao thông xuống cấp - Điện sẽ gián đoạn khi có thiên tai xảy ra - Giao thông đi lại khó khăn 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1,5km điện kiên cố và 30 trụ điện, 2 trạm điện - 1 NVH thôn 	<ul style="list-style-type: none"> - Đường giao thông sạt lở, đi lại khó khăn - Khó tiếp cận thông tin về tình hình thiên tai - Mất điện khi có thiên tai xảy ra 	<p>Cao: cơ sở hạ tầng xây dựng lâu năm, địa bàn nằm vùng trũng thấp</p>	
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động lực lượng, dân quân, TN XK sửa chữa đường - Huy động nguồn lực tại địa phương 			
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 30% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn - 35% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu chợ 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 70% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn - 65% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu chợ 			
Sạt lở bờ sông	Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm bơm nằm sát bờ sông - Trạm bơm Vạn Buồng bị sạt lở 100m3 - 50% bờ kè bị sạt lở 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3km điện kiên cố và 61 trụ điện, 4 trạm điện - 1 NVH thôn 	<ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ trạm bơm hư hỏng 	<p>Cao: nằm sát bờ sông, thiếu kỹ</p>

			- Nằm sát bờ sông nhưng không có kè bê			thuật duy tu bảo dưỡng trạm
			*TCXH: - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn	*TCXH: - Khẩn trương khắc phục, xây dựng lại trạm bơm mới cách xa vị trí sạt lở		
			*NT/KN: - 50% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trạm bơm	*NT/KN: - 50% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trạm bơm		

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ ĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/B ĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	*VC: - Kênh mương nội đồng bị bồi lấp (1,3km) - Có 03 cống thủy lợi chưa kiên cố (không an toàn) *TCXH: - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn *NT/KN: - 70% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	*VC: - Có 1,7km kênh mương kiên cố - 0,1km kiên cố *TCXH: - Đã thực hiện bê tông hóa 1 số tuyến kênh mương - Kè, đắp lại các đoạn mương bị sạt lở *NT/KN: - 30% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	-Tăng chi phí và nhân lực để nạo vét kênh mương - Nguy cơ cống thủy lợi hư hỏng	Cao: nằm vùng trũng, thấp, kênh mương.. Cống chưa kiên cố, thiếu kỹ thuật bảo dưỡng, duy tu công trình thủy lợi
	Đông Yên	650	*VC: - Kênh mương nội đồng bị bồi lấp (3,1 km) - Có 03 cống thủy lợi chưa kiên cố (không an toàn) *TCXH: - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn	*VC: - Có 3km kênh mương kiên cố *TCXH: - Đã thực hiện bê tông hóa 1 số tuyến kênh mương - Kè, đắp lại các đoạn mương bị sạt lở	-Tăng chi phí và nhân lực để nạo vét kênh mương - Nguy cơ cống thủy lợi hư hỏng	Cao: nằm vùng trũng, thấp, kênh mương.. Cống chưa kiên cố, thiếu kỹ

			<p>*NT/KN: - 70% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi</p>	<p>*NT/KN: - 30% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi</p>		thuật bảo dưỡng, duy tu công trình thủy lợi
Phú Bông	630	<p>*VC: - Kênh mương nội đồng bị bồi lấp (1,6 km) - Trạm bơm bị sạt lở</p>	<p>*VC: - Có 1,4km kênh mương kiên cố</p>	<p>-Tăng chi phí và nhân lực để nạo vét kênh mương - Nguy cơ công thủy lợi hư hỏng</p>	<p>Cao: năm vùng trũng, thấp, kênh mương, Công chưa kiên cố, thiếu kỹ thuật bảo dưỡng, duy tu công trình thủy lợi</p>	
		<p>*TCXH: - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn</p>	<p>*TCXH: - Đã thực hiện bê tông hóa 1 số tuyến kênh mương - Kè, đắp lại các đoạn mương bị sạt lở</p>			
		<p>*NT/KN: - 70% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi</p>	<p>*NT/KN: - 30% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi</p>			
Thị Lai	210	<p>*VC: - mương nội đồng bị bồi lấp (0,9 km) - Có 03 cống thủy lợi chưa kiên cố (không an toàn)</p>	<p>*VC: - Có 1,45km kênh mương kiên cố</p>	<p>-Tăng chi phí và nhân lực để nạo vét kênh mương - Nguy cơ công thủy lợi hư hỏng</p>	<p>Cao: năm vùng trũng, thấp, kênh mương, Công chưa kiên cố, thiếu kỹ thuật bảo dưỡng, duy tu</p>	
		<p>*TCXH: - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn</p>	<p>*TCXH: - Đã thực hiện bê tông hóa 1 số tuyến kênh mương - Kè, đắp lại các đoạn mương bị sạt lở</p>			
		<p>*NT/KN: - 70% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi</p>	<p>*NT/KN: - 30% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi</p>			

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐ KH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nằm trong vùng trũng, thấp - Có 595 nhà bán kiên cố, 9 nhà thiếu kiên cố, 6 nhà đơn sơ - 85% nhà ngập lụt, sập, tốc mái hư hỏng - 70% vật dụng trong gia đình bị ẩm, ướt, hư hỏng - Chủ hộ là hộ nghèo, hộ cận nghèo, neo đơn bị ngập lụt (70 hộ) 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 26 nhà kiên cố đủ để sơ tán - Tận dụng các nhà dân cao tầng để sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - 85% nhà ngập lụt, sập, tốc mái hư hỏng - 70% vật dụng trong gia đình hư hỏng <p>Cao: vùng trũng thấp, thiếu kiên cố, thiếu kiến thức chặn chống nhà cửa</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán trong mùa mưa lũ - Hộ nghèo chủ yếu là phụ nữ là trụ cột, người già, người khuyết tật khi vay không có người thừa kế trả nợ nên không được vay tiền làm nhà 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin sớm tình hình cơn bão - Hướng dẫn nhân dân chặn chống nhà cửa - Sơ tán các hộ già, neo đơn đến nơi an toàn - Hỗ trợ khắc phục hậu quả sau bão như: lương thực phẩm, sửa chữa mái tôn - Hỗ trợ vay vốn ưu đãi và lãi suất để làm nhà - Chính quyền đã có chương trình hỗ trợ nhà theo diện 48 	
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% người dân thiếu kiến thức chặn chống nhà cửa 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% người dân thiếu kiến thức chặn chống nhà cửa 	
	Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nằm trong vùng trũng, thấp - Có 617 nhà bán kiên cố, 9 nhà thiếu kiên cố, 7 nhà đơn sơ - 95% nhà ngập lụt, sập, tốc mái hư hỏng - 70% vật dụng trong gia đình bị ẩm, ướt, hư hỏng - Chủ hộ là hộ nghèo, hộ cận nghèo, neo đơn bị ngập lụt (50 hộ) 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 17 nhà kiên cố đủ để sơ tán - Tận dụng các nhà dân cao tầng để sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - 95% số nhà sập hư hỏng - 70% tài sản vật dụng trong gia đình hư hỏng - 25 nhà bị tốc mái - 1 nhà sập hoàn toàn <p>Cao: vùng trũng thấp, thiếu kiên cố, thiếu kiến thức chặn chống nhà cửa</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán trong mùa mưa lũ - Hộ nghèo chủ yếu là phụ nữ là trụ cột, người già, người khuyết tật khi vay không có người thừa kế trả nợ nên không được vay tiền làm nhà 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin sớm tình hình cơn bão - Hướng dẫn nhân dân chặn chống nhà cửa - Sơ tán các hộ già, neo đơn đến nơi an toàn - Hỗ trợ khắc phục hậu quả sau bão như: lương thực phẩm, sửa chữa mái tôn 	

			<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ vay vốn ưu đãi và lãi suất để làm nhà - Chính quyền đã có chương trình hỗ trợ nhà theo diện 48 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 9% người dân thiếu kiến thức chặn chống nhà cửa 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 91% người dân thiếu kiến thức chặn chống nhà cửa 		
Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 584 nhà bán kiên cố, 8 nhà thiếu kiên cố, 6 nhà đơn sơ - Gần 30 nhà chủ hộ là hộ nghèo, hộ cận nghèo, neo đơn bị ngập - Xóm Vạn Buồng bị cô lập - Nhà nằm trong vùng trũng, thấp - 95% nhà ngập lụt, sập, tốc mái hư hỏng - 70% vật dụng trong gia đình bị ẩm, ướt, hư hỏng 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 32 nhà kiên cố đủ để sơ tán - Tận dụng các nhà dân cao tầng để sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - 95% nhà ngập lụt - 70% tài sản vật dụng trong gia đình hư hỏng - 33 nhà bị tốc mái 	Cao: vùng trũng thấp, thiếu kiên cố, thiêu kiến thức chặn chống nhà cửa
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán trong mùa mưa lũ - Hộ nghèo chủ yếu là phụ nữ là trụ cột, người già, người khuyết tật khi vay không có người thừa kế trả nợ nên không được vay tiền làm nhà 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tế lương thực, thuốc men cho nhân dân xóm Vạn Buồng - Thông tin sớm tình hình cơn bão - Hướng dẫn nhân dân chèn chống nhà cửa - Sơn tán các hộ già, neo đơn đến nơi an toàn - Hỗ trợ khắc phục hậu quả sau bão như: lương thực phẩm, sửa chữa mái tôn - Hỗ trợ vay vốn ưu đãi và lãi suất để làm nhà - Chính quyền đã có chương trình hỗ trợ nhà theo diện 48 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5% người dân chưa có kiến thức chặn chống nhà cửa, kê gác, bảo vệ tài sản, lương thực không bị ngập 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân có kinh nghiệm thích nghi với ngập lụt - 95% người dân có kiến thức kê gác, bảo vệ tài sản, lương thực không bị ngập 		
Thi Lai	210	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 186 nhà bán kiên cố, 9 nhà thiếu kiên cố, 6 nhà đơn sơ - Gần 20 nhà chủ hộ là hộ nghèo, hộ cận nghèo, neo đơn bị ngập - 90% nhà ngập lụt, sập, tốc mái hư hỏng 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 9 nhà kiên cố đủ để sơ tán - Tận dụng các nhà dân cao tầng để sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - 90% nhà sập hư hỏng - 70% vật dụng trong gia đình hư hỏng 	Cao: vùng trũng thấp, thiếu kiên cố, thiêu

			<ul style="list-style-type: none"> - 70% vật dụng trong gia đình bị ẩm, ướt, hư hỏng 		- 20 nhà bị tốc mái	kiến thức chặn chống nhà cửa
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán trong mùa mưa lũ - Hộ nghèo chủ yếu là phụ nữ là trụ cột, người già, người khuyết tật khi vay không có người thừa kế trả nợ nên không được vay tiền làm nhà 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin sớm tình hình cơn bão - Hướng dẫn nhân dân chèn chống nhà cửa - Sơn tán các hộ già, neo đơn đến nơi an toàn - Hỗ trợ khắc phục hậu quả sau bão như: lương thực phẩm, sửa chữa mái tôn - Hỗ trợ vay vốn ưu đãi và lãi suất để làm nhà - Chính quyền đã có chương trình hỗ trợ nhà theo diện 48 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5% người dân chưa có kiến thức chặn chống nhà cửa, kê gác, bảo vệ tài sản, lương thực không bị ngập 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân có kinh nghiệm thích nghi với ngập lụt - 95% người dân có kiến thức kê gác, bảo vệ tài sản, lương thực không bị ngập 		

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 11% hộ dân không có nhà vệ sinh - Thiếu nước sinh hoạt dùng trong ăn uống và sinh hoạt - Người dân dự trữ lương thực, nước uống ít ngắn ngày, thời gian ngập lâu ngày, sâu 2,5-3 mét - Thiếu chỗ đi vệ sinh. - 100% giếng đào ngập nước không dùng được, nước nhiễm bẩn - Vệ sinh môi trường không đảm bảo do rác thải và nước ngập - Đi lại trong lũ khó khăn - Ô nhiễm môi trường do nước đọng - 90% hộ dân chưa có máy lọc nước - 70% hộ dân chăn nuôi có chuồng 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100 hộ dân sử dụng nguồn nước giếng đào, khoan - 100% hộ dân có bể dự trữ nước - 89% hộ dân có NVS tự hoại - 10% hộ dân có máy lọc nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nước sạch sinh hoạt - Phát sinh các bệnh về đường tiêu hóa, các bệnh về mắt - Ô nhiễm môi trường sau ngập lụt 	<p>Cao:</p> <p>vùng ngập lụt, nguồn nước nhiễm bẩn, người dân thiếu kiến thức NS-VSMT</p>

		<p>trại chưa có hệ thống xử lý nước thải (biogas)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có hệ thống nước thải trong sinh hoạt tại các khu dân cư 			
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ dân chưa bỏ rác đúng nơi quy định, không đóng tiền lệ phí môi trường - Đội vận chuyển rác thải hoạt động không thường xuyên - Tỷ lệ hộ dân tham gia phí môi trường còn thấp 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin tình hình cơn lũ để nhân dân chủ động phòng tránh - Cung cấp thuốc khử trùng nguồn nước. - Cung cấp thuốc trị đỏ mắt, tiêu chảy - Phát động nhân dân nhanh chóng dọn vệ sinh môi trường sau bão. - Có 01 điểm trung chuyển rác thải - Có đội vận chuyển rác thải về điểm chính (gồm 4 người) 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 52% người dân chưa có kiến thức giữ gìn VSMT - 20% người dân chưa có kiến thức nước sạch VSMT - Người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống lòng sông - 25% hộ dân chưa tham gia vào thu gom rác 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua nước bình thùng để uống (01 bình/hộ/8.000đ ngày) - Chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nước sạch dùng trong ăn uống - 48% người dân có kiến thức giữ gìn VSMT - 80% người dân có kiến thức nước sạch VSMT 		
Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2% hộ dân không có nhà vệ sinh - Thiếu nước sinh hoạt dùng trong ăn uống và sinh hoạt - Người dân dự trữ lương thực, nước uống ít ngắn ngày, thời gian ngập lâu ngày, sâu 2,5-3 mét - Thiếu chỗ đi vệ sinh. - 100% giếng đào ngập nước không dùng được, nước nhiễm bẩn - Vệ sinh môi trường không đảm bảo do rác thải và nước ngập - Đi lại trong lũ khó khăn - Ô nhiễm môi trường do nước động - 85% hộ dân chưa có máy lọc nước - 70% hộ dân chăn nuôi có chuồng trại chưa có hệ thống xử lý nước thải (biogas) - Không có hệ thống nước thải trong sinh hoạt tại các khu dân cư 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100 hộ dân sử dụng nguồn nước giếng đào, khoan - 100% hộ dân có bể dự trữ nước - 98% hộ dân có NVS tự hoại - 15% hộ dân có máy lọc nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nước sạch sinh hoạt - Phát sinh các bệnh về đường tiêu hóa, các bệnh về mắt - Ô nhiễm môi trường sau ngập lụt 	<p>Cao:</p> <p>vùng ngập lụt, nguồn nước nhiễm bẩn, người dân thiếu kiến thức NS-VSMT</p>
		<p>*TCXH:</p>	<p>*TCXH:</p>		

		<ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ dân chưa bỏ rác đúng nơi quy định, không đóng tiền lệ phí môi trường - Đội vận chuyển rác thải hoạt động không thường xuyên - Tỷ lệ hộ dân tham gia phí môi trường còn thấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin tình hình cơn lũ để nhân dân chủ động phòng tránh - Cung cấp thuốc khử trùng nguồn nước. - Cung cấp thuốc trị đở mắt, tiêu chảy - Phát động nhân dân nhanh chóng dọn vệ sinh môi trường sau bão. - Có 01 điểm trung chuyển rác thải - Có đội vận chuyển rác thải về điểm chính (gồm 4 người) 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 45% người dân chưa có kiến thức giữ gìn VSMT - 25% người dân chưa có kiến thức nước sạch VSMT - Người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống lòng sông - 15% hộ dân chưa tham gia vào thu gom rác 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua nước bình thùng để uống (01 bình/hộ/8.000đ ngày) - Chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nước sạch dùng trong ăn uống - 55% người dân có kiến thức giữ gìn VSMT - 75% người dân có kiến thức nước sạch VSMT 		
<p>Phú Bông</p>	<p>630</p>	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ dân không có nhà vệ sinh - Thiếu nước sinh hoạt dùng trong ăn uống và sinh hoạt - Người dân dự trữ lương thực, nước uống ít ngắn ngày, thời gian ngập lâu ngày, sâu 2,5-3 mét - Thiếu chỗ đi vệ sinh khi ngập lụt - 100% giếng đào ngập nước không dùng được, nước nhiễm bẩn - Vệ sinh môi trường không đảm bảo do rác thải và nước ngập - Đi lại trong lũ khó khăn - Ô nhiễm môi trường do nước đọng - 85% hộ dân chưa có máy lọc nước - 70% hộ dân chăn nuôi có chuồng trại chưa có hệ thống xử lý nước thải (biogas) - Không có hệ thống nước thải trong sinh hoạt tại các khu dân cư 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 trạm cấp nước công cộng - 100 hộ dân sử dụng nguồn nước giếng đào, khoan - 100% hộ dân có bể dự trữ nước - 90% hộ dân có NVS tự hoại - 15% hộ dân có máy lọc nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nước sạch sinh hoạt - Phát sinh các bệnh về đường tiêu hóa, các bệnh về mắt - Ô nhiễm môi trường sau ngập lụt 	<p>Cao:</p> <p>vùng ngập lụt, nguồn nước nhiễm bẩn, người dân thiếu kiến thức NS-VSMT</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ dân chưa bỏ rác đúng nơi quy định, không đóng tiền lệ phí môi trường - Đội vận chuyển rác thải hoạt động không thường xuyên 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin tình hình cơn lũ để nhân dân chủ động phòng tránh - Cung cấp thuốc khử trùng nguồn nước. - Cung cấp thuốc trị đở mắt, 		

		<p>- Tỷ lệ hộ dân tham gia phí môi trường còn thấp</p>	<p>tiêu chảy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát động nhân dân nhanh chóng dọn vệ sinh môi trường sau bão. - Có 01 điểm trung chuyển rác thải - Có đội vận chuyển rác thải về điểm chính (gồm 4 người) 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 46% người dân chưa có kiến thức giữ gìn VSMT - 25% người dân chưa có kiến thức nước sạch VSMT - Người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống lòng sông - 20% hộ dân chưa tham gia vào thu gom rác 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua nước bình thùng để uống (01 bình/hộ/8.000đ ngày) - Chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nước sạch dùng trong ăn uống - 54% người dân có kiến thức giữ gìn VSMT - 75% người dân có kiến thức nước sạch VSMT 		
Thi Lai	210	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ dân không có nhà vệ sinh - Thiếu nước sinh hoạt dùng trong ăn uống và sinh hoạt - Người dân dự trữ lương thực, nước uống ít ngắn ngày, thời gian ngập lâu ngày, sâu 2,5-3 mét - Thiếu chỗ đi vệ sinh khi ngập lụt - 100% giếng đào ngập nước không dùng được, nước nhiễm bẩn - Vệ sinh môi trường không đảm bảo do rác thải và nước ngập - Đi lại trong lũ khó khăn - Ô nhiễm môi trường do nước động - 85% hộ dân chưa có máy lọc nước - 70% hộ dân chăn nuôi có chuồng trại chưa có hệ thống xử lý nước thải (biogas) - Không có hệ thống nước thải trong sinh hoạt tại các khu dân cư 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 trạm cấp nước công cộng - 100 hộ dân sử dụng nguồn nước giếng đào, khoan - 100% hộ dân có bể dự trữ nước - 90% hộ dân có NVS tự hoại - 15% hộ dân có máy lọc nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nước sạch sinh hoạt - Phát sinh các bệnh về đường tiêu hóa, các bệnh về mắt - Ô nhiễm môi trường sau ngập lụt 	<p>Cao:</p> <p>vùng ngập lụt, nguồn nước nhiễm bẩn, người dân thiếu kiến thức NS-VSMT</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ dân chưa bỏ rác đúng nơi quy định, không đóng tiền lệ phí môi trường - Đội vận chuyển rác thải hoạt động không thường xuyên - Tỷ lệ hộ dân tham gia phí môi trường còn thấp 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin tình hình cơn lũ để nhân dân chủ động phòng tránh - Cung cấp thuốc khử trùng nguồn nước. - Cung cấp thuốc trị đỏ mắt, tiêu chảy - Phát động nhân dân nhanh chóng dọn vệ sinh môi trường sau bão. 		

				<ul style="list-style-type: none"> - Có 01 điểm trung chuyển rác thải - Có đội vận chuyển rác thải về điểm chính (gồm 4 người) 	
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 45% người dân chưa có kiến thức giữ gìn VSMT - 25% người dân chưa có kiến thức nước sạch VSMT - Người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống lòng sông - 10% hộ dân chưa tham gia vào thu gom rác 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua nước bình thùng để uống (01 bình/hộ/8.000đ ngày) - Chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nước sạch dùng trong ăn uống - 55% người dân có kiến thức giữ gìn VSMT - 75% người dân có kiến thức nước sạch VSMT 	

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh phát sinh sau thiên tai như: đờ mắt, viêm đường hô hấp, ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết - Thiếu thuốc dự phòng và xử lý nước trong thiên tai - Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường - 90% hộ dân không có tủ thuốc - Không có trạm y tế trên địa bàn thôn - Không có cơ sở khám bệnh tư nhân 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 02 cơ sở bán thuốc - 10% hộ dân có tủ thuốc 	<ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường - Phát sinh bệnh dịch - Thiếu cơ sở y tế và trang thiết bị 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> không có cơ sở y tế trên địa bàn, người dân chưa quan tâm đến khám sức khỏe định kỳ
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ - Không có bác sĩ khám chữa bệnh - CB y tế thôn bản chưa đào tạo bài bản - 60% CB y tế chưa có khả năng kiểm soát dịch bệnh 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 cán bộ y tế thôn bản - Dự trữ thuốc, vật tư y tế thiết yếu trước mùa mưa bão - Cung cấp thuốc khử trùng nguồn nước - Thuốc chữa các bệnh mắt đỏ, tiêu chảy, nước ăn chân - Phát động nhân dân nhanh chóng dọn vệ sinh môi trường sau bão. - Phun hóa chất diệt muỗi tại các khu dân cư 		

		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn và chữa bệnh - 85% người dân chưa khám sức khỏe định kỳ - 25% hộ dân chưa có ý thức phòng ngừa dịch bệnh - Dịch bệnh đau mắt đỏ trẻ em, phụ nữ, nam giới: người cao tuổi:) 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai - 15% người dân khám sức khỏe định kỳ - 75% hộ dân có ý thức phòng ngừa dịch bệnh - Tuyên truyền vận động người dân biết cách tự phòng chống dịch bệnh vào mùa mưa bão - 85% người dân tham gia BHYT 		
Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có hệ thống chất thải xử lý y tế - Dịch bệnh mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết - Thiếu thuốc dự phòng và xử lý nước trong thiên tai - Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường - 80% hộ dân không có tủ thuốc 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 trạm y tế 2 tầng, kiên cố, - Có 01 cơ sở bán thuốc tây - 20% hộ dân có tủ thuốc 	<ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường - Phát sinh bệnh dịch - Thiếu cơ sở y tế và trang thiết bị 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> không có cơ sở y tế trên địa bàn, người dân chưa quan tâm đến khám sức khỏe định kỳ
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ - Công tác kiểm tra an toàn VSTP, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn chưa thường xuyên - 55% CB y tế chưa có khả năng kiểm soát dịch bệnh 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 9 cán bộ y tế - Dự trữ thuốc, vật tư y tế thiết yếu trước mùa mưa bão - Cung cấp thuốc khử trùng nguồn nước - Thuốc chữa các bệnh mắt đỏ, tiêu chảy, nước ăn chân - Phát động nhân dân nhanh chóng dọn vệ sinh môi trường sau bão. - Phun hóa chất diệt muỗi tại các khu dân cư 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn và chữa bệnh - 90% người dân chưa khám sức khỏe định kỳ - 30% hộ dân chưa có ý thức phòng ngừa dịch bệnh - Dịch bệnh đau mắt đỏ trẻ em, phụ nữ, nam giới: người cao tuổi:) 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai - 10% người dân khám sức khỏe định kỳ - 70% hộ dân có ý thức phòng ngừa dịch bệnh - Tuyên truyền vận động người dân biết cách tự phòng chống dịch bệnh vào mùa mưa bão - 85% người dân tham gia BHYT 		
Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh phát sinh sau thiên tai như: đỏ mắt, viêm đường hô hấp, 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 cơ sở khám tư nhân do bác sĩ ở bệnh viện huyện khám 	<ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> không có cơ

		<p>ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu thuốc dự phòng và xử lý nước trong thiên tai - Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường - 85% hộ dân không có tủ thuốc - Không có trạm y tế trên địa bàn thôn 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 01 cơ sở bán thuốc tây - 15% hộ dân có tủ thuốc 	<p>trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát sinh bệnh dịch - Thiếu cơ sở y tế và trang thiết bị 	<p>sở y tế trên địa bàn, người dân chưa quan tâm đến khám sức khỏe định kỳ</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ - Không có bác sĩ khám chữa bệnh - CB y tế thôn bản chưa đào tạo bài bản - 54% CB y tế chưa có khả năng kiểm soát dịch bệnh 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 cán bộ y tế thôn bản - Dự trữ thuốc, vật tư y tế thiết yếu trước mùa mưa bão - Cung cấp thuốc khử trùng nguồn nước - Thuốc chữa các bệnh mắt đỏ, tiêu chảy, nước ăn chân - Phát động nhân dân nhanh chóng dọn vệ sinh môi trường sau bão. - Phun hóa chất diệt muỗi tại các khu dân cư 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn và chữa bệnh - 90% người dân chưa khám sức khỏe định kỳ - 30% hộ dân chưa có ý thức phòng ngừa dịch bệnh - Dịch bệnh đau mắt đỏ trẻ em, phụ nữ, nam giới: người cao tuổi:) 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai - 10% người dân khám sức khỏe định kỳ - 70% hộ dân có ý thức phòng ngừa dịch bệnh - Tuyên truyền vận động người dân biết cách tự phòng chống dịch bệnh vào mùa mưa bão - 85% người dân tham gia BHYT 		
<p>Thi Lai</p>	<p>210</p>	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh phát sinh sau thiên tai như: đau mắt, viêm đường hô hấp, ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết - Thiếu thuốc dự phòng và xử lý nước trong thiên tai - Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường - 85% hộ dân không có tủ thuốc - Không có trạm y tế trên địa bàn thôn - Thiếu nước sạch dùng trong ăn uống và sinh hoạt - Địa điểm dân cư xa nhất để đi đến trạm y tế (hơn 3km) 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 02 cơ sở bán thuốc - 15% hộ dân có tủ thuốc 	<ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường - Phát sinh bệnh dịch - Thiếu cơ sở y tế và trang thiết bị 	<p>Cao: không có cơ sở y tế trên địa bàn, người dân chưa quan tâm đến khám sức khỏe định kỳ</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 cán bộ y tế thôn bản - Dự trữ thuốc, vật tư y tế thiết 		

		<p>ứng yêu cầu nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có bác sĩ khám chữa bệnh - CB y tế thôn bản chưa đào tạo bài bản - 55% CB y tế chưa có khả năng kiểm soát dịch bệnh 	<p>yếu trước mùa mưa bão</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thuốc khử trùng nguồn nước - Thuốc chữa các bệnh mắt đỏ, tiêu chảy, nước ăn chân - Phát động nhân dân nhanh chóng dọn vệ sinh môi trường sau bão. - Phun hóa chất diệt muỗi tại các khu dân cư 	
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn và chữa bệnh - 90% người dân chưa khám sức khỏe định kỳ - 30% hộ dân chưa có ý thức phòng ngừa dịch bệnh - Dịch bệnh đau mắt đỏ trẻ em, phụ nữ, nam giới: người cao tuổi:) 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai - 20% người dân khám sức khỏe định kỳ - 70% hộ dân có ý thức phòng ngừa dịch bệnh - Tuyên truyền vận động người dân biết cách tự phòng chống dịch bệnh vào mùa mưa bão - 85% người dân tham gia BHYT 	

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trường Mẫu giáo Chiêm Sơn ngập 1,5m với số phòng là 5 phòng. - Điểm trường TH Duy Trinh tại Chiêm Sơn ngập 1,6m với số phòng là 8 phòng. - Bàn ghế học sinh bị ướt và bùn non bám ảnh hưởng đến việc học tập sau lụt rút. - Môi trường ẩm ướt ảnh hưởng đến sức khỏe thầy, cô giáo và các em học sinh - 90% học sinh không trang bị áo phao <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghỉ học nhiều ngày - Chưa lồng ghép chương trình PCTT vào chương trình học 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trường Mẫu giáo Duy Trinh, cơ sở Chiêm Sơn, có 04 phòng kiên cố - Có trường TH Duy Trinh-cơ sở Chiêm Sơn, có 04 phòng kiên cố - 10% học sinh trang bị áo phao <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động cha, mẹ học sinh cùng thầy cô giáo dọn vệ sinh môi trường để đưa hoạt động dạy 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ học sinh đuối nước - Thiết bị dạy và học hư hỏng - Nguy cơ học sinh đuối nước - Học sinh thiếu kiến thức PCTT, kỹ năng bơi 	<p>Cao:</p> <p>học sinh thiếu kiến thức PCTT, kỹ năng bơi lội, trường học nằm trong vùng trũng, thấp</p>

			<p>học trở lại bình thường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin nghỉ học đến cha mẹ học sinh để đảm bảo an toàn tính mạng trẻ 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% học sinh không biết bơi (60% nữ) - 100% học sinh thiếu kiến PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kê bàn ghế, đồ dùng dạy học lên vị trí cao để không bị ngập ướt. - 10% học sinh biết bơi 		
Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trường Mẫu giáo sô phòng ngập sâu 1,2m là 6 phòng. - Điểm trường TH Duy Trinh số phòng ngập sâu 1,35m là 8 phòng cùng 02 phòng chức năng. - Điểm trường THCS Phù Đồng số phòng ngập sâu 1,52m là 10 phòng cùng 4 phòng hành chính - Địa điểm trường nằm vùng trũng thấp - 90% học sinh không trang bị áo phao 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có cơ sở dạy bơi tại trường THCS Phù Đồng - 10% học sinh trang bị áo phao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ học sinh đuối nước - Thiết bị dạy và học hư hỏng - Nguy cơ học sinh đuối nước 	<p>Ca:</p> <p>học sinh thiếu kiến thức PCTT, kỹ năng bơi lội, trườn g học nằm trong vùng trũng, thấp</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghỉ học nhiều ngày - Chưa lồng ghép chương trình PCTT vào chương trình học 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động cha, mẹ học sinh cùng thầy cô giáo dọn vệ sinh môi trường để đưa hoạt động dạy học trở lại bình thường. - Thông tin nghỉ học đến cha mẹ học sinh để đảm bảo an toàn tính mạng học sinh. - Các thầy giáo được phân công trực cùng với bảo vệ trường để xử lý các tình huẩn xảy ra trong lụt và giữ mối liên lạc với BCH PCTT cấp xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thiếu kiến thức PCTT, kỹ năng bơi 	
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% học sinh không biết bơi (60% nữ) - 30% người dân chưa có kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng và duy tu trường học - 100% học sinh thiếu kiến thức PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kê bàn ghế, đồ dùng dạy học lên vị trí cao để không bị ngập ướt. - 70% người dân có kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng và duy tu trường học 		
Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm trường nằm vùng trũng thấp - Điểm trường Mẫu giáo Duy Trinh, cơ sở Phú Bông bị ngập sau 2 m với tổng số phòng 2. - 90% học sinh không trang bị áo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 trường Mẫu giáo Duy Trinh, cơ sở Phú Bông, 2 phòng kiên cố - 10% học sinh trang bị áo phao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ học sinh đuối nước - Thiết bị dạy và 	<p>Ca:</p> <p>học sinh thiếu kiến thức PCTT</p>

		phao		học hư hỏng	, kỹ năng bơi lội, trườn g học nằm trong vùng trũng, thấp
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghỉ học nhiều ngày - Chưa lồng ghép chương trình PCTT vào chương trình học 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động cha, mẹ học sinh cùng thầy cô giáo dọn vệ sinh môi trường để đưa hoạt động dạy học trở lại bình thường. - Thông tin nghỉ học đến cha mẹ học sinh để đảm bảo an toàn tính mạng học sinh. - Các thầy giáo được phân công trực cùng với bảo vệ trường để xử lý các tình huống xảy ra trong lụt và giữ mối liên lạc với BCH PCTT cấp xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ học sinh đuối nước - Học sinh thiếu kiến thức PCTT, kỹ năng bơi 	
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% học sinh không biết bơi (60% nữ) - 30% người dân chưa có kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng và duy tu trường học - 100% học sinh thiếu kiến thức PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kê bàn ghế, đồ dùng dạy học lên vị trí cao để không bị ngập ướt. - 70% người dân có kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng và duy tu trường học 		
Thi Lai	210	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có trường học trên địa bàn thôn - Học sinh đi học xa trường - 95% học sinh chưa được trang bị áo phao 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5% học sinh được trang bị áo phao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ học sinh đuối nước - Thiết bị dạy và học hư hỏng - Nguy cơ học sinh đuối nước - Học sinh thiếu kiến thức PCTT, kỹ năng bơi 	Ca: học sinh thiếu kiến thức PCTT, kỹ năng bơi lội, trườn g học nằm trong vùng trũng, thấp
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghỉ học nhiều ngày - Chưa lồng ghép chương trình PCTT vào chương trình học 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động cha, mẹ học sinh cùng thầy cô giáo dọn vệ sinh môi trường để đưa hoạt động dạy học trở lại bình thường. - Thông tin nghỉ học đến cha mẹ học sinh để đảm bảo an toàn tính mạng học sinh. - Các thầy giáo được phân công trực cùng với bảo vệ trường để xử lý các tình huống xảy ra trong lụt và giữ mối liên lạc với BCH PCTT cấp xã. 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% học sinh không biết bơi - 100% học sinh thiếu kiến thức PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% học sinh biết bơi 		

9. Rừng

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ ĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 41 hộ dân bị ảnh hưởng đến thu nhập kinh tế. - Lượng nước cung cấp đập Vĩnh Trinh không đảm bảo để điều tiết sản xuất cả năm - 2ha rừng ngã đổ, tróc gốc - 3 ha cây con chết yếu 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 98ha diện tích rừng sản xuất cây keo, thành rừng 70% - Có 326,9ha diện tích rừng phòng hộ quanh hồ chứa nước Vĩnh Trinh, thành rừng 70% 	<ul style="list-style-type: none"> - Mất thu nhập kinh tế. - Ảnh hưởng đến tình trạng xói mòn đất. - Ảnh hưởng đến quá trình dự trữ nước ngầm - Cây ngã, đổ, tróc gốc 	<p>Cao: ý thức bảo vệ rừng người dân chưa cao, chưa có kinh nghiệm trồng rừng</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mật độ rừng thưa và khai thác không theo quy hoạch - Chưa phát triển các loại hình sinh kế trong việc trồng rừng - Chưa thành lập các nhóm sinh kế - Chưa có biện pháp xử lý đối với cá nhân chặt phá rừng 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% diện tích rừng sản xuất do người dân quản lý - 72ha diện tích rừng phòng hộ do UBND xã quản lý - 254,9ha diện tích rừng phòng hộ do người dân quản lý - 30% phụ nữ tham gia vào các hoạt động chăm sóc cây, thu hoạch - 70% nam tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò nòng cốt của phụ nữ trong công tác tuyên truyền chưa đề cập đến - Phụ nữ chưa được tham gia vào việc quyết định tiến trình trồng rừng - 40% Người dân chưa có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng - 60% người dân chưa có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc - Ý thức người dân chưa cao dẫn đến chặt phá rừng bừa bãi 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỉa cành cây, dặm lại cây con chết - Rừng nhánh hạn chế lực cản của cây trước bão. - Khai thác các cây rừng đến tuổi. - Khai thác các cây bị ngã đổ tạo để điều kiện cây tái sinh. - Khôi phục trồng rừng - Chọn được giống cây rừng phù hợp - 60% Người dân có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng 		
	Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15% diện tích rừng bị gãy đổ trong cơn bão số 9 - 20 hộ dân bị ảnh hưởng đến thu nhập kinh tế 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 92,66ha diện tích rừng sản xuất cây keo, thành rừng 70% 	<ul style="list-style-type: none"> - Mất thu nhập kinh tế. - Ảnh hưởng đến 	<p>Trung bình</p>

		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mật độ rừng thưa và khai thác không theo quy hoạch - Chưa phát triển các loại hình sinh kế trong việc trồng rừng - Chưa thành lập các nhóm sinh kế - Chưa có biện pháp xử lý đối với cá nhân chặt phá rừng 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% diện tích rừng sản xuất do người dân quản lý - 30% phụ nữ tham gia vào các hoạt động chăm sóc cây, thu hoạch - 70% nam tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng 	<p>tình trạng xói mòn đất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng đến quá trình dự trữ nước ngầm. 	
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò nòng cốt của phụ nữ trong công tác tuyên truyền chưa đề cập đến - Phụ nữ chưa được tham gia vào việc quyết định tiến trình trồng rừng - 40% Người dân chưa có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng - 60% người dân chưa có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc - Ý thức người dân chưa cao dẫn đến chặt phá rừng bừa bãi 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tia cành cây, dặm lại cây con chết - Rừng nhánh hạn chế lực cản của cây trước bão. - Khai thác các cây rừng đến tuổi. - Khai thác các cây bị ngã đổ tạo để điều kiện cây tái sinh. - Khôi phục trồng rừng - Chọn được giống cây rừng phù hợp - 60% Người dân có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng 		
Phú Bông	630	*VC: Không có rừng			
Thi Lai	210	*VC: Không có rừng			

10. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kênh mương nội đồng bị bồi lấp (1,3km) - 23 ha lúa ngập úng, chết - 513 hộ làm nghề trồng trọt; trong đó số hộ phụ nữ 371 hộ. - Phụ thuộc thời tiết. - Năng suất cây trồng còn thấp do ảnh hưởng yếu tố thời tiết - Hạ tầng phục vụ SXNN ngày càng xuống cấp chưa được đầu tư 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích trồng trọt 110,625 ha - Lịch mùa vụ kết thúc tháng cuối tháng 8 đầu tháng 9, cuối tháng 9 đến tháng 11 là mùa mưa bão. - Lúa là cây chủ lực của địa phương 	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa ngập úng, mất trắng - Giá cả không ổn định, thu nhập thấp - Dịch bệnh trên lúa 	Cao: năm vùng trũng, lúa cây chủ lực, chưa áp KHKT vào trồng trọt

		<ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh và sâu hại thường xuyên xảy ra - Thiếu giống chuẩn để gieo sạ 		<ul style="list-style-type: none"> - Kênh mương hư hỏng 	
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá cả thu mua nông sản không cao so với chi phí đầu vào của người làm nghề trồng trọt. - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Công tác chính trang đồng ruộng còn thấp - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các giống có khả năng chịu đựng thời tiết bất thường (gió, lạnh, sương muối, sâu bệnh) để cho năng suất cao. - Áp dụng KHCN vào sản xuất như: công cụ sạ hàng, máy gặt đập liên hợp nên tiết kiệm thời gian. - 60% nữ tham gia hoạt động trồng lúa 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân đã tính đến yếu tố chắn chống cây trồng - 40% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 		
Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kênh mương nội đồng bị bồi lấp (3,1 km) - 497 hộ làm nghề trồng trọt; trong đó số hộ phụ nữ 286 hộ. - Phụ thuộc thời tiết. 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích trồng trọt 86,115ha, trong đó 21, 3 ha đất màu - Lịch mùa vụ kết thúc tháng cuối tháng 8 đầu tháng 9, cuối tháng 9 đến tháng 11 là mùa mưa bão. - Lúa là cây chủ lực của địa phương 	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa ngập úng, mất trắng - Giá cả không ổn định, thu nhập thấp - Dịch bệnh trên lúa - Kênh mương hư hỏng 	<p>Cao:</p> <p>nằm vùng trũng, lúa cây chủ lực, chưa áp KHKT vào trồng trọt</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá cả thu mua nông sản không cao so với chi phí đầu vào của người làm nghề trồng trọt. - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Công tác chính trang đồng ruộng còn thấp - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời - Ảnh hưởng đến kế hoạch lịch thời vụ của cả 01 năm 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các giống có khả năng chịu đựng thời tiết bất thường (gió, lạnh, sương muối, sâu bệnh) để cho năng suất cao. - Áp dụng KHCN vào sản xuất như: công cụ sạ hàng, máy gặt đập liên hợp nên tiết kiệm thời gian. - 60% nữ tham gia hoạt động trồng lúa 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân đã tính đến yếu tố chắn chống cây trồng - 40% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 		
Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kênh mương nội đồng bị bồi lấp (1,6 km) 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích trồng trọt 112,625 ha trong đó diện 	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa ngập úng, mất 	<p>Cao:</p> <p>nằm vùng</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - 467 hộ làm nghề trồng trọt trong đó số hộ là nữ 215 hộ. - Phụ thuộc thời tiết. 	tích đất màu là 41,9ha	<ul style="list-style-type: none"> trắng - Giá cả không ổn định, thu nhập thấp - Dịch bệnh trên lúa - Kênh mương hư hỏng 	<ul style="list-style-type: none"> trùng, lúa cây chủ lực, chưa áp KHKT vào trồng trọt
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá cả thu mua nông sản không cao so với chi phí đầu vào của người làm nghề trồng trọt. - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Công tác chính trang đồng ruộng còn thấp - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các giống có khả năng chịu đựng thời tiết bất thường (gió, lạnh, sương muối, sâu bệnh) để cho năng suất cao. - Áp dụng KHCN vào sản xuất như: công cụ sạ hàng, máy gặt đập liên hợp nên tiết kiệm thời gian. - 60% nữ tham gia hoạt động trồng lúa 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân đã tính đến yếu tố chắn chống cây trồng - 40% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 		
Thi Lai	210	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> -121 hộ làm nghề trồng trọt trong đó nữ 59 hộ. - Diện tích đất màu bị bồi lấp sau mỗi trận ngập lụt lớn nên không sản xuất được. 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích trồng trọt 71,19 ha trong đó diện tích đất màu là 15,9ha - Lịch mùa vụ kết thúc tháng cuối tháng 8 đầu tháng 9, cuối tháng 9 đến tháng 11 là mùa mưa bão. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa ngập úng, mất trắng - Giá cả không ổn định, thu nhập thấp - Dịch bệnh trên lúa 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> nằm vùng trũng, lúa cây chủ lực, chưa áp KHKT vào trồng trọt
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá cả thu mua nông sản không cao so với chi phí đầu vào của người làm nghề trồng trọt. - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Công tác chính trang đồng ruộng còn thấp - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các giống có khả năng chịu đựng thời tiết bất thường (gió, lạnh, sương muối, sâu bệnh) để cho năng suất cao. - Áp dụng KHCN vào sản xuất như: công cụ sạ hàng, máy gặt đập liên hợp nên tiết kiệm thời gian. - 60% nữ tham gia hoạt động trồng lúa 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân đã tính đến yếu tố chắn chống cây trồng - 40% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 		

11. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ ĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐ KH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường - Chăn nuôi tập trung trong khu vực dân cư - Chưa có hầm chứa nước thải chăn nuôi 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% hộ chăn nuôi có chuồng trại kiên cố - Chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn - 215 con gia súc, 1,087 con gia cầm 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ gia súc gia cầm chết, trôi Ô nhiễm môi trường 	<p>Cao: Chuồng trại không đảm, gia súc gia cầm bị cuốn trôi, dịch bệnh, dịch bệnh</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh, - Dịch bệnh: lở mồm long móng, tai xanh, cúm H5N1 - Giá cả không ổn định 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% nữ tham gia hoạt động chăn nuôi - Liên kết các doanh nghiệp đầu tư - Thu hút các nhà đầu tư trong chăn nuôi - Các doanh nghiệp xây dựng phương án 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân không tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc - 85% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường, nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra xung quanh khu dân cư - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ chăn nuôi làm trại nuôi trên cao 1,5-2m - Chủ động sơ tán khi có thiên tai - Dự trữ thức ăn trước mùa thiên tai - Hộ chăn nuôi trang trại chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh 		
	Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường - Chăn nuôi tập trung trong khu vực dân cư - Chưa có hầm chứa nước thải chăn nuôi <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% hộ chăn nuôi có chuồng trại kiên cố - Chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn - 315 con gia súc, 1,487 con gia cầm <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% nữ tham gia hoạt động chăn nuôi - Liên kết các doanh nghiệp đầu tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ gia súc gia cầm chết, trôi Ô nhiễm môi trường 	<p>Cao: Chuồng trại không đảm, gia súc gia cầm bị cuốn trôi, dịch bệnh, dịch bệnh</p>

		<p>bệnh, - Dịch bệnh: lở mồm long móng, tai xanh, cúm H5N1 - Giá cả không ổn định</p>	<p>- Thu hút các nhà đầu tư trong chăn nuôi - Các doanh nghiệp xây dựng phương án</p>		
		<p>*NT/KN: - 90% hộ dân không tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc - 85% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường, nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra xung quanh khu dân cư - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi</p>	<p>*NT/KN: - Đa số hộ chăn nuôi làm trại nuôi trên cao 1,5-2m - Chủ động sơ tán khi có thiên tai - Dự trữ thức ăn trước mùa thiên tai - Hộ chăn nuôi trang trại chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh</p>		
Phú Bông	630	<p>*VC: - 65% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường - Chăn nuôi tập trung trong khu vực dân cư - Chưa có hầm chứa nước thải chăn nuôi</p>	<p>*VC: - 35% hộ chăn nuôi có chuồng trại kiên cố - Chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn - 329 con gia súc, 1,787 con gia cầm</p>	<p>- Nguy cơ gia súc gia cầm chết, trôi Ô nhiễm môi trường</p>	<p>Cao: Chuồng trại không đảm, gia súc gia cầm bị cuốn trôi, dịch bệnh, dịch bệnh</p>
		<p>*TCXH: - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh, - Dịch bệnh: lở mồm long móng, tai xanh, cúm H5N1 - Giá cả không ổn định</p>	<p>*TCXH: - 80% nữ tham gia hoạt động chăn nuôi - Liên kết các doanh nghiệp đầu tư - Thu hút các nhà đầu tư trong chăn nuôi - Các doanh nghiệp xây dựng phương án</p>		
		<p>*NT/KN: - 90% hộ dân không tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc - 85% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường, nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra xung quanh khu dân cư - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi</p>	<p>*NT/KN: - Đa số hộ chăn nuôi làm trại nuôi trên cao 1,5-2m - Chủ động sơ tán khi có thiên tai - Dự trữ thức ăn trước mùa thiên tai - Hộ chăn nuôi trang trại chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh</p>		
Thị Lai	210	<p>*VC: - 60% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường - Chăn nuôi tập trung trong khu vực dân cư - Chưa có hầm chứa nước thải</p>	<p>*VC: - 40% hộ chăn nuôi có chuồng trại kiên cố - Chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn - 267 con gia súc, 787 con gia cầm</p>	<p>- Nguy cơ gia súc gia cầm chết, trôi Ô nhiễm</p>	<p>Cao: Chuồng trại không đảm, gia súc gia cầm bị</p>

		chăn nuôi		môi trường	cuốn trôi, dịch bệnh, dịch bệnh
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh, - Dịch bệnh: lở mồm long móng, tai xanh, cúm H5N1 - Giá cả không ổn định 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% nữ tham gia hoạt động chăn nuôi - Liên kết các doanh nghiệp đầu tư - Thu hút các nhà đầu tư trong chăn nuôi - Các doanh nghiệp xây dựng phương án 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân không tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc - 85% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường, nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra xung quanh khu dân cư - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ chăn nuôi làm trại nuôi trên cao 1,5-2m - Chủ động sơ tán khi có thiên tai - Dự trữ thức ăn trước mùa thiên tai - Hộ chăn nuôi trang trại chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh 		

12. Thủy Sản (không)

13. Du lịch (không)

14. Buôn bán và dịch vụ khác (Dệt, chổi, công nhân, buôn bán nhỏ)

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐ KH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các lều quán bán hàng nhỏ, chưa kiên cố, buôn bán tự phát - Thiếu vốn, hàng hóa chưa đa dạng, phong phú - Giao thông đi lại khó khăn - Chưa có kho để cất dũ hàng hóa - Dệt thị thường bấp bênh không cạnh tranh với sản phẩm ngoại nhập, nghề ngày càng mai một - Công nghệ thô sơ, năng suất thấp - Hàng hóa bị ẩm mốc, hư hỏng - Gián đoạn việc buôn bán 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 212 hộ kinh doanh buôn bán, làm nghề truyền thống - Dịch vụ ăn uống phát triển - Một số hộ có đại lý cung cấp hàng hóa mùa thiên tai - Sử dụng mặt bằng của hộ dân để buôn bán 	<ul style="list-style-type: none"> - Lều quán bị hư hỏng, sập đổ - Hàng hóa hư hỏng, có khi mất vốn, thiếu nợ - Buôn bán ế, thu nhập thấp 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> kinh doanh nhỏ lẻ, thiếu vốn kinh doanh, chưa có kỹ năng kinh doanh
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chổi: chưa tạo được thương hiệu 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chính sách hỗ trợ tiền 		

		<p>làng nghề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa quy hoạch được vùng nguyên liệu để chủ động SX - Chưa có sự liên kết các cơ sở - Các nghề truyền thống, thị trường bấp bênh không cạnh với sản phẩm ngoại nhập, công nghệ thô sơ, chưa có kho cất giữ, ngập ướn vải sợi hư hỏng, mất vốn, thiếu nợ, khả năng hồi phục khó 	<p>100.000đ/hộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tiếng vang của làng nghề. - Giải quyết công ăn việc làm cho phụ nữ (90%) - Thu nhập ổn định - Công nhân cty Sedo lương ổn định, 5 triệu/tháng - 90% phụ nữ tham gia hoạt động buôn bán 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm đầu ra không tiêu thụ được, mất vốn, thu nhập thấp - Làng nghề mai một 	
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT, phần lớn làm thủ công. 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ biết đầu tư, đa dạng hàng hóa - Một số hộ đã chủ động học tập nâng cao năng lực về kinh doanh, buôn bán nhỏ 		
Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các lều quán bán hàng nhỏ, chưa kiên cố, buôn bán tự phát - Thiếu vốn, hàng hóa chưa đa dạng, phong phú - Giao thông đi lại khó khăn - Chưa có kho để cất giữ hàng hóa - Dệt thị trường bấp bênh không cạnh tranh với sản phẩm ngoại nhập, nghề ngày càng mai một - Công nghệ thô sơ, năng suất thấp - Hàng hóa bị ẩm mốc, hư hỏng - Gián đoạn việc buôn bán 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 190 hộ kinh doanh buôn bán, làm nghề truyền thống - Dịch vụ ăn uống phát triển - Một số hộ có đại lý cung cấp hàng hóa mùa thiên tai - Sử dụng mặt bằng của hộ dân để buôn bán 	<ul style="list-style-type: none"> - Lều quán bị hư hỏng, sập đổ - Hàng hóa hư hỏng, có khi mất vốn, thiếu nợ - Buôn bán ế, thu nhập thấp 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> kinh doanh nhỏ lẻ, thiếu vốn kinh doanh, chưa có kỹ năng kinh doanh
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chối: chưa tạo được thương hiệu làng nghề - Chưa quy hoạch được vùng nguyên liệu để chủ động SX - Chưa có sự liên kết các cơ sở - Các nghề truyền thống, thị trường bấp bênh không cạnh với sản phẩm ngoại nhập, công nghệ thô sơ, chưa có kho cất giữ, ngập ướn vải sợi hư hỏng, mất vốn, thiếu nợ, khả năng hồi phục khó 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chính sách hỗ trợ tiền 100.000đ/hộ - Có tiếng vang của làng nghề. - Giải quyết công ăn việc làm cho phụ nữ (90%) - Thu nhập ổn định - Công nhân cty Sedo lương ổn định, 5 triệu/tháng - 90% phụ nữ tham gia hoạt động buôn bán 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm đầu ra không tiêu thụ được, mất vốn, thu nhập thấp - Làng nghề mai một 	
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT, phần lớn làm thủ công. 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ biết đầu tư, đa dạng hàng hóa - Một số hộ đã chủ động học tập nâng cao năng lực về kinh doanh, buôn bán nhỏ 		
Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các lều quán bán hàng nhỏ, chưa kiên cố, buôn bán tự phát 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 80 hộ kinh doanh buôn bán, làm nghề truyền thống 	<ul style="list-style-type: none"> - Lều quán bị hư 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> kinh doanh

		<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn, hàng hóa chưa đa dạng, phong phú - Giao thông đi lại khó khăn - Chưa có kho để cất giữ hàng hóa - Dệt thị thường bấp bênh không cạnh tranh với sản phẩm ngoại nhập, nghề ngày càng mai một - Công nghệ thô sơ, năng suất thấp - Hàng hóa bị ẩm mốc, hư hỏng - Gián đoạn việc buôn bán 	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ ăn uống phát triển - Một số hộ có đại lý cung cấp hàng hóa mùa thiên tai - Sử dụng mặt bằng của hộ dân để buôn bán 	<p>hỏng, sập đổ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa hư hỏng, có khi mất vốn, thiếu nợ - Buôn bán ế, thu nhập thấp <p>- Sản phẩm đầu ra không tiêu thụ được, mất vốn, thu nhập thấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làng nghề mai một 	<p>nhỏ lẻ, thiếu vốn kinh doanh, chưa có kỹ năng kinh doanh</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chối: chưa tạo được thương hiệu làng nghề - Chưa quy hoạch được vùng nguyên liệu để chủ động SX - Chưa có sự liên kết các cơ sở - Các nghề truyền thống, thị trường bấp bênh không cạnh với sản phẩm ngoại nhập, công nghệ thô sơ, chưa có kho cất giữ, ngập úớt vải sợi hư hỏng, mất vốn, thiếu nợ, khả năng hồi phục khó 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chính sách hỗ trợ tiền 100.000đ/hộ - Có tiếng vang của làng nghề. - Giải quyết công ăn việc làm cho phụ nữ (90%) - Thu nhập ổn định - Công nhân cty Sedo lương ổn định, 5 triệu/tháng - 90% phụ nữ tham gia hoạt động buôn bán 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT, phần lớn làm thủ công. 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ biết đầu tư, đa dạng hàng hóa - Một số hộ đã chủ động học tập nâng cao năng lực về kinh doanh, buôn bán nhỏ 		
<p>Thị Lai</p>	<p>210</p>	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các lều quán bán hàng nhỏ, chưa kiên cố, buôn bán tự phát - Thiếu vốn, hàng hóa chưa đa dạng, phong phú - Giao thông đi lại khó khăn - Chưa có kho để cất giữ hàng hóa - Dệt thị thường bấp bênh không cạnh tranh với sản phẩm ngoại nhập, nghề ngày càng mai một - Công nghệ thô sơ, năng suất thấp - Hàng hóa bị ẩm mốc, hư hỏng - Gián đoạn việc buôn bán 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 60 hộ kinh doanh buôn bán, làm nghề truyền thống - Dịch vụ ăn uống phát triển - Một số hộ có đại lý cung cấp hàng hóa mùa thiên tai - Sử dụng mặt bằng của hộ dân để buôn bán 	<ul style="list-style-type: none"> - Lều quán bị hư hỏng, sập đổ - Hàng hóa hư hỏng, có khi mất vốn, thiếu nợ - Buôn bán ế, thu nhập thấp <p>- Sản phẩm đầu ra không tiêu thụ được, mất vốn, thu nhập</p>	<p>Cao:</p> <p>kinh doanh nhỏ lẻ, thiếu vốn kinh doanh, chưa có kỹ năng kinh doanh</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chối: chưa tạo được thương hiệu làng nghề - Chưa quy hoạch được vùng nguyên liệu để chủ động SX - Chưa có sự liên kết các cơ sở - Các nghề truyền thống, thị trường bấp bênh không cạnh với sản phẩm ngoại nhập, công nghệ thô sơ, chưa có kho cất giữ, ngập 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chính sách hỗ trợ tiền 100.000đ/hộ - Có tiếng vang của làng nghề. - Giải quyết công ăn việc làm cho phụ nữ (90%) - Thu nhập ổn định - Công nhân cty Sedo lương ổn định, 5 triệu/tháng - 90% phụ nữ tham gia hoạt 		

		<p>ướt vải sợi hư hỏng, mất vốn, thiếu nợ, khả năng hồi phục khó</p> <p>*NT/KN: - Chưa áp dụng KHKT, phần lớn làm thủ công.</p>	<p>động buôn bán</p> <p>*NT/KN: - Một số hộ biết đầu tư, đa dạng hàng hóa - Một số hộ đã chủ động học tập nâng cao năng lực về kinh doanh, buôn bán nhỏ</p>	<p>thấp - Làng nghề mai một</p>
--	--	--	--	-------------------------------------

15. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ ĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐ KH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC: - 2% hộ chưa có ti vi và chưa tiếp cận với truyền hình và truyền thanh - 5% hộ chưa tiếp cận với loa phát thanh - Hệ thống loa truyền thanh hư hỏng, xuống cấp - 20% hộ không tiếp cận các thông tin về điều tiết và xả lũ - Thiếu loa cầm tay, âm ly di động để truyền truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai - Thiếu các phương tiện cảnh báo sớm - Loa cầm tay thường xuyên bị hỏng khi có thiên tai xảy ra</p>	<p>*VC: - 98% hộ có ti vi và tiếp cận với truyền hình và truyền thanh - 95% hộ tiếp cận với loa phát thanh - 80% hộ tiếp cận các thông tin về điều tiết và xả lũ - Có thông báo xả lũ cho người dân - Hệ thống loa không dây, không cần dây nên mưa bão không bị đứt - Có 01 loa cầm tay - Có 04 cụm loa không dây</p>	<p>- Hệ thống truyền thanh hư hỏng - Không đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo khi có bão</p>	<p>Cao: Người dân thiếu thông tin khi có thiên tai xảy ra, hệ thống truyền thanh hư hỏng, mất điện</p>
			<p>*TCXH: - Công tác tuyên truyền PCTT không thường xuyên (khi có thiên tai mới tuyên truyền) - Công tác truyền truyền chưa thường xuyên (10% hộ dân chưa tiếp cận được nguồn thông tin) - Dễ bị nhiễu sóng, dễ hư hỏng, mất điện không hoạt động</p>	<p>*TCXH: - Trước bão 100% người dân nghe thông tin diễn biến bão - Thông tin sớm tình hình cơn bão, hướng dẫn thực hiện các biện pháp chần chống. - Huy động lực lượng khắc phục sau thiên tai</p>		
			<p>*NT/KN: - 50% hộ dân không nghe được thông tin trong bão do mất điện</p>	<p>*NT/KN: - 50% hộ tiếp cận được Internet thông qua điện thoại thông minh - 50% hộ dân nghe được thông tin trong bão do mất điện</p>		

Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2% hộ chưa có ti vi và chưa tiếp cận với truyền hình và truyền thanh - 5% hộ chưa tiếp cận với loa phát thanh - Hệ thống loa truyền thanh hư hỏng, xuống cấp - 20% hộ không tiếp cận các thông tin về điều tiết và xả lũ - Thiếu loa cầm tay, âm ly di động để truyền truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai - Thiếu các phương tiện cảnh báo sớm - Loa cầm tay thường xuyên bị hỏng khi có thiên tai xảy ra 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 98% hộ có ti vi và tiếp cận với truyền hình và truyền thanh - 95% hộ tiếp cận với loa phát thanh - 80% hộ tiếp cận các thông tin về điều tiết và xả lũ - Có thông báo xả lũ cho người dân - Hệ thống loa không dây, không cần dây nên mưa bão không bị đứt - Có 01 loa cầm tay - Có 04 cụm loa không dây 	<p>- Hệ thống truyền thanh hư hỏng</p> <p>- Không đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo khi có bão</p>	Cao: Người dân thiếu thông tin khi có thiên tai xảy ra, hệ thống truyền thanh hư hỏng, mất điện
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền PCTT không thường xuyên (khi có thiên tai mới tuyên truyền) - Công tác truyền truyền chưa thường xuyên (10% hộ dân chưa tiếp cận được nguồn thông tin) - Dễ bị nhiễu sóng, dễ hư hỏng, mất điện không hoạt động 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước bão 100% người dân nghe thông tin diễn biến bão - Thông tin sớm tình hình cơn bão, hướng dẫn thực hiện các biện pháp chặn chống. - Huy động lực lượng khắc phục sau thiên tai 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ dân không nghe được thông tin trong bão do mất điện 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ tiếp cận được Internet thông qua điện thoại thông minh - 50% hộ dân nghe được thông tin trong bão do mất điện 		
Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2% hộ chưa có ti vi và chưa tiếp cận với truyền hình và truyền thanh - 5% hộ chưa tiếp cận với loa phát thanh - Hệ thống loa truyền thanh hư hỏng, xuống cấp - 20% hộ không tiếp cận các thông tin về điều tiết và xả lũ - Thiếu loa cầm tay, âm ly di động để truyền truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai - Thiếu các phương tiện cảnh báo sớm - Loa cầm tay thường xuyên bị hỏng khi có thiên tai xảy ra 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 98% hộ có ti vi và tiếp cận với truyền hình và truyền thanh - 95% hộ tiếp cận với loa phát thanh - 80% hộ tiếp cận các thông tin về điều tiết và xả lũ - Có thông báo xả lũ cho người dân - Hệ thống loa không dây, không cần dây nên mưa bão không bị đứt - Có 01 loa cầm tay - Có 04 cụm loa không dây 	<p>- Hệ thống truyền thanh hư hỏng</p> <p>- Không đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo khi có bão</p>	Cao: Người dân thiếu thông tin khi có thiên tai xảy ra, hệ thống truyền thanh hư hỏng, mất điện
		<p>*TCXH:</p>	<p>*TCXH:</p>		

		<ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền PCTT không thường xuyên (khi có thiên tai mới tuyên truyền) - Công tác truyền truyền chưa thường xuyên (10% hộ dân chưa tiếp cận được nguồn thông tin) - Dễ bị nhiễu sóng, dễ hư hỏng, mất điện không hoạt động 	<ul style="list-style-type: none"> - Trước bão 100% người dân nghe thông tin diễn biến bão - Thông tin sớm tình hình cơn bão, hướng dẫn thực hiện các biện pháp chặn chống. - Huy động lực lượng khắc phục sau thiên tai 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ dân không nghe được thông tin trong bão do mất điện 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ tiếp cận được Internet thông qua điện thoại thông minh - 50% hộ dân nghe được thông tin trong bão do mất điện 		
Thi Lai	210	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2% hộ chưa có ti vi và chưa tiếp cận với truyền hình và truyền thanh - 5% hộ chưa tiếp cận với loa phát thanh - Hệ thống loa truyền thanh hư hỏng, xuống cấp - 20% hộ không tiếp cận các thông tin về điều tiết và xả lũ - Thiếu loa cầm tay, âm ly di động để truyền truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai - Thiếu các phương tiện cảnh báo sớm - Loa cầm tay thường xuyên bị hỏng khi có thiên tai xảy ra 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 98% hộ có ti vi và tiếp cận với truyền hình và truyền thanh - 95% hộ tiếp cận với loa phát thanh - 80% hộ tiếp cận các thông tin về điều tiết và xả lũ - Có thông báo xả lũ cho người dân - Hệ thống loa không dây, không cần dây nên mưa bão không bị đứt - Có 01 loa cầm tay - Có 04 cụm loa không dây 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh hư hỏng - Không đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo khi có bão 	<p>Cao:</p> <p>Người dân thiếu thông tin khi có thiên tai xảy ra, hệ thống truyền thanh hư hỏng, mất điện</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền PCTT không thường xuyên (khi có thiên tai mới tuyên truyền) - Công tác truyền truyền chưa thường xuyên (10% hộ dân chưa tiếp cận được nguồn thông tin) - Dễ bị nhiễu sóng, dễ hư hỏng, mất điện không hoạt động 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước bão 100% người dân nghe thông tin diễn biến bão - Thông tin sớm tình hình cơn bão, hướng dẫn thực hiện các biện pháp chặn chống. - Huy động lực lượng khắc phục sau thiên tai - Có thông báo xả lũ cho người dân 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ dân không nghe được thông tin trong bão do mất điện 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ tiếp cận được Internet thông qua điện thoại thông minh - 50% hộ dân nghe được thông tin trong bão do mất điện 		

16. Phòng chống thiên tai/TU'ĐDKH

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TU'ĐDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐ KH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có nhà tránh trú đa năng - Trang thiết bị CHCN còn thiếu, chưa đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 93 hộ có ghe thô sơ - 01 thuyền máy trong dân - Điểm sơ tán của là những nhà cao tầng các hộ dân - Có 10 áo phao, 5 phao cứu sinh, 2 đèn pin - 4 loa cầm tay, 12 loa dây - Tận dụng 4 xe tải trong dân 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ - Người dân chết và bị thương - Thiếu trang thiết bị CHCN - Thiếu kiến thức về PCTT 	<p>Cao: chưa có nhà tránh trú đa năng để sơ tán</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã và thôn chưa có tuyên truyền viên PCTT dựa vào cộng đồng - Đa số thành viên trong ban PCTT của xã và thôn chưa được đào tạo về QLRRTT - Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân - Chưa có phụ nữ tham gia vào các hoạt động PCTT của đội xung kích tại thôn - Chưa được diễn tập PCTT - Chưa có tuyên truyền viên về PCTT/TU'ĐDKH dựa vào cộng đồng - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức PCTT, SCC - Lực lượng xung kích có nhưng hoạt động chưa hiệu quả - Chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng CHCN khi làm nhiệm vụ 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn có phương án PCTT trước mùa mưa bão - Các trường học trên địa bàn có kế hoạch PCTT hàng năm - Các thôn đã có đội xung kích, cứu hộ cứu nạn tại các thôn (10 người) 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ dân thiếu kiến thức về PCTT - 20% hộ dân còn chủ quan trong công tác PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ dân biết gia cố chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai - Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai - Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai 		

Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có nhà tránh trú đa năng - Trang thiết bị CHCN còn thiếu, chưa đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 máy phát điện dự phòng của xã - 01 ghe máy của xã - 15% hộ có ghe thô sơ - Có 10 áo phao, 5 phao cứu sinh, 2 đèn pin - 4 loa cầm tay, 12 loa dây - Tận dụng 4 xe tải trong dân - Điểm sơ tán của là những nhà cao tầng các hộ dân 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ - Người dân chết và bị thương - Thiếu trang thiết bị CHCN - Thiếu kiến thức về PCTT 	Cao: chưa có nhà tránh trú đa năng để sơ tán
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã và thôn chưa có tuyên truyền viên PCTT dựa vào cộng đồng - Đa số thành viên trong ban PCTT của xã và thôn chưa được đào tạo về QLRRTT - Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân - Chưa có phụ nữ tham gia vào các hoạt động PCTT của đội xung kích tại thôn - Chưa được diễn tập PCTT - Chưa có tuyên truyền viên về PCTT/TƯBĐKH dựa vào cộng đồng - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức PCTT, SCC - Lực lượng xung kích có nhưng hoạt động chưa hiệu quả - Chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng CHCN khi làm nhiệm vụ 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn có phương án PCTT trước mùa mưa bão - Các trường học trên địa bàn có kế hoạch PCTT hàng năm - Các thôn đã có đội xung kích, cứu hộ cứu nạn tại các thôn (10 người) 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ dân thiếu kiến thức về PCTT - 30% hộ dân còn chủ quan trong công tác PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ dân biết gia cố chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai - Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai - Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai 		
Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có nhà tránh trú đa năng - Trang thiết bị CHCN còn thiếu, chưa đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 máy phát điện dự phòng của xã - 01 ghe máy của xã - 15% hộ có ghe thô sơ - Có 10 áo phao, 5 phao cứu sinh, 2 đèn pin - 4 loa cầm tay, 12 loa dây 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ 	Cao: chưa có nhà tránh trú đa năng để sơ tán

			<ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng 4 xe tải trong dân - Điểm sơ tán của là những nhà cao tầng các hộ dân 	<ul style="list-style-type: none"> vụ - Người dân chết và bị thương - Thiếu trang thiết bị CHCN - Thiếu kiến thức về PCTT 		
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã và thôn chưa có tuyên truyền viên PCTT dựa vào cộng đồng - Đa số thành viên trong ban PCTT của xã và thôn chưa được đào tạo về QLRRTT - Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân - Chưa có phụ nữ tham gia vào các hoạt động PCTT của đội xung kích tại thôn - Chưa được diễn tập PCTT - Chưa có tuyên truyền viên về PCTT/TUBĐKH dựa vào cộng đồng - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức PCTT, SCC - Lực lượng xung kích có nhưng hoạt động chưa hiệu quả - Chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng CHCN khi làm nhiệm vụ 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn có phương án PCTT trước mùa mưa bão - Các trường học trên địa bàn có kế hoạch PCTT hàng năm - Các thôn đã có đội xung kích, cứu hộ cứu nạn tại các thôn (10 người) 			
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ dân thiếu kiến thức về PCTT - 25% hộ dân còn chủ quan trong công tác PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ dân biết gia cố chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai - Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai - Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai 			
		<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có nhà tránh trú đa năng - Trang thiết bị CHCN còn thiếu, chưa đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 máy phát điện dự phòng của xã - 01 ghe máy của xã - 15% hộ có ghe thô sơ - Có 10 áo phao, 5 phao cứu sinh, 2 đèn pin - 4 loa cầm tay, 12 loa dây - Tận dụng 4 xe tải trong dân 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ - Người dân chết và bị thương - Thiếu trang 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> chưa có nhà tránh trú đa năng để sơ tán 	
	Thi Lai	210	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã và thôn chưa có tuyên truyền viên PCTT dựa vào cộng đồng - Đa số thành viên trong ban PCTT của xã và thôn chưa được đào tạo về QLRRTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn có phương án PCTT trước mùa mưa bão - Các trường học trên địa bàn có kế hoạch PCTT hàng năm - Các thôn đã có đội xung kích, 		

		<ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân - Chưa có phụ nữ tham gia vào các hoạt động PCTT của đội xung kích tại thôn - Chưa được diễn tập PCTT - Chưa có tuyên truyền viên về PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức PCTT, SCC - Lực lượng xung kích có nhưng hoạt động chưa hiệu quả - Chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng CHCN khi làm nhiệm vụ 	<p>cứu hộ cứu nạn tại các thôn (10 người)</p>	<p>thiết bị CHCN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kiến thức về PCTT
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ dân thiếu kiến thức về PCTT - 22% hộ dân còn chủ quan trong công tác PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ dân biết gia có chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai - Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai - Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai 	

17. Giới trong PCTT và BDKH

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐ KH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có trang bị bảo hộ khi làm nhiệm vụ - Gặp nhiều khó khăn trong việc sơ tán, kê kích vật dụng và gia súc gia cầm lên cao, chằng chống nhà cửa 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ đuối nước - Nhu cầu cứu trợ cho nữ giới chưa được biết khi có thiên tai xảy 	<p>Cao:</p> <p>Phụ nữ ít được cơ cấu tham gia PCTT, thiếu kiến thức và kỹ</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò của phụ nữ trong công tác PCTT chưa được quan tâm - 90% Phụ nữ ít được tham gia các lớp tập huấn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 nữ tham gia đội xung kích - Nữ tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai 		

		<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu việc làm, thu nhập thấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo - Rà soát, thu thập thông tin các hộ bị ảnh hưởng để có cơ sở hỗ trợ - Chính quyền quan tâm cơ cấu nữ tham gia vào công tác PCTT 	ra	năng, thiếu vai trò nữ giới trong công tác PCTT
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% thiếu kiến thức về PCTT, SCC - 60% thiếu kỹ năng bơi lội 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% có kiến thức về PCTT, SCC - 40% có kỹ năng bơi lội 		
Đông Yên	650	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có trang bị bảo hộ khi làm nhiệm vụ - Gặp nhiều khó khăn trong việc sơ tán, kê kích vật dụng và gia súc gia cầm lên cao, chặn chống nhà cửa 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có 	-Nguy cơ đuối nước - Nhu cầu cứu trợ cho nữ giới chưa được biết khi có thiên tai xảy ra	Cao: Phụ nữ ít được cơ cấu tham gia PCTT, thiếu kiên thức và kỹ năng, thiếu vai trò nữ giới trong công tác PCTT
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò của phụ nữ trong công tác PCTT chưa được quan tâm - 90% Phụ nữ ít được tham gia các lớp tập huấn - Thiếu việc làm, thu nhập thấp 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 nữ tham gia đội xung kích - Nữ tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai - Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo - Rà soát, thu thập thông tin các hộ bị ảnh hưởng để có cơ sở hỗ trợ - Chính quyền quan tâm cơ cấu nữ tham gia vào công tác PCTT 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% thiếu kiến thức về PCTT, SCC - 60% thiếu kỹ năng bơi lội 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% có kiến thức về PCTT, SCC - 40% có kỹ năng bơi lội 		
Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có trang bị bảo hộ khi làm nhiệm vụ - Gặp nhiều khó khăn trong việc sơ tán, kê kích vật dụng và gia súc gia cầm lên cao, chặn chống nhà cửa 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có 	-Nguy cơ đuối nước - Nhu cầu cứu trợ cho nữ giới chưa được biết khi có thiên tai xảy ra	Cao: Phụ nữ ít được cơ cấu tham gia PCTT, thiếu kiên thức và kỹ năng, thiếu vai trò
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò của phụ nữ trong công tác PCTT chưa được quan tâm - 90% Phụ nữ ít được tham gia các lớp tập huấn - Thiếu việc làm, thu nhập thấp 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 nữ tham gia đội xung kích - Nữ tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai - Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo - Rà soát, thu thập thông tin các 		

				hộ bị ảnh hưởng để có cơ sở hỗ trợ - Chính quyền quan tâm cơ cấu nữ tham gia vào công tác PCTT	nữ giới trong công tác PCTT
			*NT/KN: - 80% thiếu kiến thức về PCTT, SCC - 60% thiếu kỹ năng bơi lội	*NT/KN: - 20% có kiến thức về PCTT, SCC - 40% có kỹ năng bơi lội	
Thi Lai	210	*VC: - Không có trang bị bảo hộ khi làm nhiệm vụ - Gặp nhiều khó khăn trong việc sơ tán, kê kích vật dụng và gia súc gia cầm lên cao, chèn chống nhà cửa	*VC: - Không có	- Nguy cơ đuối nước - Nhu cầu cứu trợ cho nữ giới chưa được biết khi có thiên tai xảy ra	Cao: Phụ nữ ít được cơ cấu tham gia PCTT, thiếu kiến thức và kỹ năng, thiếu vai trò nữ giới trong công tác PCTT
		*TCXH: - Vai trò của phụ nữ trong công tác PCTT chưa được quan tâm - 90% Phụ nữ ít được tham gia các lớp tập huấn - Thiếu việc làm, thu nhập thấp	*TCXH: - Có 01 nữ tham gia đội xung kích - Nữ tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai - Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo - Rà soát, thu thập thông tin các hộ bị ảnh hưởng để có cơ sở hỗ trợ - Chính quyền quan tâm cơ cấu nữ tham gia vào công tác PCTT		
		*NT/KN: - 80% thiếu kiến thức về PCTT, SCC - 60% thiếu kỹ năng bơi lội	*NT/KN: - 20% có kiến thức về PCTT, SCC - 40% có kỹ năng bơi lội		

18. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Chiêm Sơn	636	*VC: - Chăn nuôi gia súc gia cầm, thiếu vốn sản xuất - 60% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường	*VC: - Trồng lúa và chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn - Diện tích trồng trọt 110,625 ha	- Thiếu việc làm, thu nhập thấp bấp bênh khi có thiên tai xảy ra	Cao: Chưa có ngành nghề thay thế, tạo thu

			<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi tập trung trong khu vực dân cư - Chưa có hầm chứa nước thải chăn nuôi - 121 hộ làm nghề trồng trọt trong đó nữ 59 hộ. - Diện tích đất màu bị bồi lấp sau mỗi trận ngập lụt lớn nên không sản xuất được. 		<ul style="list-style-type: none"> - Lúa ngập úng, mất trắng - Gia súc gia cầm chết, trôi 	<p>nhập khi có thiên tai xảy ra</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh, - Dịch bệnh: lở mồm long móng, tai xanh, cúm H5N1 - Giá cả không ổn định - Giá cả thu mua nông sản không cao so với chi phí đầu vào của người làm nghề trồng trọt. - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Công tác chính trang đồng ruộng còn thấp - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết công lao động nữ - 80% nữ tham gia hoạt động chăn nuôi, 60% nữ tham gia hoạt động trồng lúa - Liên kết các doanh nghiệp đầu tư - Thu hút các nhà đầu tư trong chăn nuôi - Các doanh nghiệp xây dựng phương án - Sử dụng các giống có khả năng chịu đựng thời tiết bất thường (gió, lạnh, sương muối, sâu bệnh) để cho năng suất cao. - Áp dụng KHCN vào sản xuất như: công cụ sạ hàng, máy gặt đập liên hợp nên tiết kiệm thời gian. 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân không tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc - 85% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường, nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra xung quanh khu dân cư - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi huấn kỹ thuật trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự trữ thức ăn trước mùa thiên tai - Hộ chăn nuôi trang trại chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh - Hộ dân đã tính đến yếu tố chăn chống cây trồng - 30% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 		
<p>Đông Yên</p>	<p>650</p>		<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi gia súc gia cầm, thiếu vốn sản xuất - 60% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường - Chăn nuôi tập trung trong khu vực dân cư - Chưa có hầm chứa nước thải chăn nuôi - 121 hộ làm nghề trồng trọt trong 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng lúa và chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn - Diện tích trồng trọt 86,115ha, trong đó 21, 3 ha đất màu 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu việc làm, thu nhập thấp bấp bênh khi có thiên tai xảy ra - Lúa ngập úng, mất trắng - Gia súc gia cầm 	<p>Cao: Chưa có ngành nghề thay thế, tạo thu nhập khi có thiên tai xảy ra</p>

		<p>đó nữ 59 hộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích đất màu bị bồi lấp sau mỗi trận ngập lụt lớn nên không sản xuất được. 		chết, trôi	
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh, - Dịch bệnh: lở mồm long móng, tai xanh, cúm H5N1 - Giá cả không ổn định - Giá cả thu mua nông sản không cao so với chi phí đầu vào của người làm nghề trồng trọt. - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Công tác chỉnh trang đồng ruộng còn thấp - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết công lao động nữ - 80% nữ tham gia hoạt động chăn nuôi, 60% nữ tham gia hoạt động trồng lúa - Liên kết các doanh nghiệp đầu tư - Thu hút các nhà đầu tư trong chăn nuôi - Các doanh nghiệp xây dựng phương án - Sử dụng các giống có khả năng chịu đựng thời tiết bất thường (gió, lạnh, sương muối, sâu bệnh) để cho năng suất cao. - Áp dụng KHCN vào sản xuất như: công cụ sạ hàng, máy gặt đập liên hợp nên tiết kiệm thời gian. 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân không tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc - 85% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường, nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra xung quanh khu dân cư - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi huấn kỹ thuật trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự trữ thức ăn trước mùa thiên tai - Hộ chăn nuôi trang trại chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh - Hộ dân đã tính đến yếu tố chắn chống cây trồng - 30% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 		
Phú Bông	630	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi gia súc gia cầm, thiếu vốn sản xuất - 60% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ hệ thống thoát nước chưa có cống thải nước thải trực tiếp ra môi trường - Chăn nuôi tập trung trong khu vực dân cư - Chưa có hầm chứa nước thải chăn nuôi - 121 hộ làm nghề trồng trọt trong đó nữ 59 hộ. - Diện tích đất màu bị bồi lấp sau mỗi trận ngập lụt lớn nên không sản xuất được. 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng lúa và chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn - Diện tích trồng trọt 112,625 ha trong đó diện tích đất màu là 41,9ha 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu việc làm, thu nhập thấp bấp bênh khi có thiên tai xảy ra - Lúa ngập úng, mất trắng - Gia súc gia cầm chết, trôi 	<p>Cao: Chưa có ngành nghề thay thế, tạo thu nhập khi có thiên tai xảy ra</p>

		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh, - Dịch bệnh: lở mồm long móng, tai xanh, cúm H5N1 - Giá cả không ổn định - Giá cả thu mua nông sản không cao so với chi phí đầu vào của người làm nghề trồng trọt. - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Công tác chỉnh trang đồng ruộng còn thấp - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết công lao động nữ - 80% nữ tham gia hoạt động chăn nuôi, 60% nữ tham gia hoạt động trồng lúa - Liên kết các doanh nghiệp đầu tư - Thu hút các nhà đầu tư trong chăn nuôi - Các doanh nghiệp xây dựng phương án - Sử dụng các giống có khả năng chịu đựng thời tiết bất thường (gió, lạnh, sương muối, sâu bệnh) để cho năng suất cao. - Áp dụng KHCN vào sản xuất như: công cụ sạ hàng, máy gặt đập liên hợp nên tiết kiệm thời gian. 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân không tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc - 85% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường, nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra xung quanh khu dân cư - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi huấn kỹ thuật trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự trữ thức ăn trước mùa thiên tai - Hộ chăn nuôi trang trại chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh - Hộ dân đã tính đến yếu tố chắn chống cây trồng - 30% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 		
<p>Thi Lai</p>	<p>210</p>	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi gia súc gia cầm, thiếu vốn sản xuất - 60% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường - Chăn nuôi tập trung trong khu vực dân cư - Chưa có hầm chứa nước thải chăn nuôi - 121 hộ làm nghề trồng trọt trong đó nữ 59 hộ. - Diện tích đất màu bị bồi lấp sau mỗi trận ngập lụt lớn nên không sản xuất được. 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng lúa và chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn - Diện tích trồng trọt 71,19 ha trong đó diện tích đất màu là 15,9ha 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu việc làm, thu nhập thấp bấp bênh khi có thiên tai xảy ra - Lúa ngập úng, mất trắng - Gia súc gia cầm chết, trôi 	<p>Cao: Chưa có ngành nghề thay thế, tạo thu nhập khi có thiên tai xảy ra</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết công lao động nữ - 80% nữ tham gia hoạt động chăn nuôi, 60% nữ 		

		<p>bệnh,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh: lở mồm long móng, tai xanh, cúm H5N1 - Giá cả không ổn định - Giá cả thu mua nông sản không cao so với chi phí đầu vào của người làm nghề trồng trọt. - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Công tác chính trang đồng ruộng còn thấp - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời 	<p>tham gia hoạt động trồng lúa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên kết các doanh nghiệp đầu tư - Thu hút các nhà đầu tư trong chăn nuôi - Các doanh nghiệp xây dựng phương án - Sử dụng các giống có khả năng chịu đựng thời tiết bất thường (gió, lạnh, sương muối, sâu bệnh) để cho năng suất cao. - Áp dụng KHCN vào sản xuất như: công cụ sạ hàng, máy gặt đập liên hợp nên tiết kiệm thời gian. 	
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân không tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc - 85% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường, nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra xung quanh khu dân cư - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi huấn kỹ thuật trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự trữ thức ăn trước mùa thiên tai - Hộ chăn nuôi trang trại chú trọng tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh - Hộ dân đã tính đến yếu tố chắn chống cây trồng - 30% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt 	

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

TT Ưu tiên	Rủi ro thiên tai	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Nhà sập, tốc mái	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà xây dựng chưa kiên cố, làm bằng vật tư kém, không bền chắc - Địa hình ở vùng trũng thấp, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão lụt <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ nghèo neo đơn, thiếu nhân lực để chăm chống nhà cửa - Đội xung kích và ban PCTT chưa hỗ trợ kịp thời trước và sau khi thiên tai - Công tác tuyên truyền chắn 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu kinh phí để xây dựng nhà kiên cố chống chịu với bão và ngập lụt là chủ yếu hộ nghèo và cận nghèo - Ban chỉ huy phòng chống lụt, bão xã chưa hỗ trợ nhân lực, cũng như kỹ thuật về chắn chống nhà cửa - Ý thức người dân còn hạn chế chủ quan 	<p>*Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn đối với các thành viên trong ban PCTT của xã để trang bị kiến thức cần thiết về QLRRTT để tuyên truyền và vận động người dân nâng cao ý thức về PCTT - Tuyên truyền cho người dân kỹ năng chèn chống nhà cửa và nâng cao nhận thức không chủ quan trong mùa mưa bão <p>*Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần hỗ trợ kinh phí và mô hình xây nhà an toàn đảm

		<p>chống người dân phòng là chính, theo phương châm 4 tại chỗ</p> <p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% người dân chủ quan trong việc chặn chống nhà cửa - Kinh nghiệm và kỹ thuật trong việc xây nhà thích ứng với thiên tai còn hạn chế 		<p>bảo với bão và ngập lụt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây nhà kiên cố cho các hộ dân có nhà tạm bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Phú Bông: 7 nhà gồm Vạn Buồng 4 nhà, Văn Thánh (5) 1 nhà, Chùa Lào 1 nhà, Lò Gạch 1 nhà - Thi Lai: 5 nhà gồm Thi Tân 2 nhà, Thi Thời 2 nhà và Thi Tây 1 nhà
2	Lúa, hoa màu giảm năng suất và mất trắng	<p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng suất lúa giảm 10% do ngập lụt và đổ ngã - Một số diện tích hoa màu và lúa mất trắng trong vụ Hè Thu do ngập úng - Địa hình nằm ở vùng trũng - Thiếu giống ngắn và trung ngày - Thiếu hệ thống tiêu úng đối với lúa trong vụ Hè Thu - Thiếu hệ thống cung cấp nước cho hoa mùa trong vụ hè thu <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa liên kết trong sản xuất - HTX hoạt động chưa mạnh <p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa có kinh nghiệm trong chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng - Thiếu giống ngắn ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân chưa tuân thủ lịch thời vụ và cơ cấu cây trồng - Các đại lý lúa giống và HTX chưa đủ giống cung cấp cho người dân - Hệ thống kênh mương nội đồng chưa được bê tông hóa - Trạm bơm nước không đủ phục vụ cho diện tích hoa màu - Thủy điện xả nước ở thượng nguồn gây ngập úng cục bộ - Chưa quy hoạch cánh đồng mẫu lớn 	<p>*Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức người dân về tuân thủ lịch thời vụ - Nâng cao hoạt động kinh doanh của HTX và các đơn vị cung cấp giống cây trồng trên địa bàn - Xây dựng kế hoạch chống hạn cho diện tích hoa màu trong vụ hè thu <p>*Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp và cải tạo hệ thống kênh mương nội đồng
3	Thiếu phương tiện cứu nạn cứu hộ	<p>**Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có nhà tránh trú bão cho thôn và xã - Thiếu áo phao, phao cứu sinh, thiếu loa cầm tay, máy cắt tia càn cây - Thiếu ghe máy tại các thôn - Thiếu hệ thống loa cầm tay - Hệ thống loa phụ thuộc vào hệ thống điện <p>*Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động của ban PCTT chưa được đầu tư đúng mức - Chưa có sự phối kết hợp giữa đội xung kích và ban PCTT tại xã - Lái ghe chưa qua đào tạo - Cán bộ PCTT, đội CHCN thiếu kiến thức PCTT, SCC <p>*Ý thức kinh nghiệm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ thuộc nguồn điện quốc gia để loa hoạt động - Năng lực tại chỗ của xã còn hạn chế - Chưa có chính sách hỗ trợ và bảo hộ cho đội xung kích và ban PCTT - Lái ghe theo kinh nghiệm - Chưa được tập huấn PCTT, SCC 	<p>*Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật lái ghe, thuyền - Nâng cấp và bổ sung phương tiện cứu nạn cứu hộ - Tập huấn cho cán bộ PCTT, Đội CHCN kiến thức PCTT, SCC <p>*Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị phương tiện CHCN

		<p>- Người dân chưa có ý thức cao trong việc tự trang bị các phương tiện CNCH cho gia đình như áo phao, phao cứu sinh, ghe thuyền, còn chủ quan</p>		
4	Ô nhiễm môi trường	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rác thải, chất thải từ chăn nuôi, xác gia súc gia cầm chết làm ô nhiễm môi trường - Nằm vùng trũng thấp ngập lụt - Dòng sông bị vùi lấp không chảy - Thiếu nước sạch, không đủ để uống <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu tổ nhóm tuyên truyền về vệ sinh môi trường <p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu ý thức trong vệ sinh môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền vệ sinh môi trường chưa được thường xuyên - Chi phí đầu tư xây dựng hầm biogas cao - Xã và y tế chưa có kế hoạch dự trữ đủ thuốc và hóa chất tiêu độc khử trùng sau bão và ngập lụt - Thiếu hầm xử lý nước thải trong chăn nuôi - Thiếu hóa chất tiêu độc khử trùng sau bão và ngập lụt 	<p>*Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức người dân chủ động vệ sinh môi trường sau bão và lụt - Xây dựng kế hoạch chăn nuôi có hầm biogas hoặc có kỹ thuật xử lý nước thải chăn nuôi hợp vệ sinh với hộ chăn nuôi nhỏ lẻ <p>*Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây hầm biogas - Nâng cấp và kiên cố chuồng trại chăn nuôi
5	Gia súc và gia cầm chết, trôi	<p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo phòng tránh bão và ngập lụt - Vệ sinh chuồng trại sau bão và ngập lụt chưa đảm bảo - Gia súc, gia cầm bị chế và mất tích <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền tiêm phòng vacxin cho các hộ chăn nuôi <p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa có ý thức trong việc chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa đầu tư kinh phí cho chuồng trại - Hóa chất tiêu trùng và khử độc cho chuồng trại và vệ sinh môi trường chưa được cung cấp đầy đủ - Người dân chưa có ý thức dự trữ đủ lượng thức ăn cho vật nuôi sau bão và ngập lụt 	<p>*Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động và hỗ trợ người dân kiên cố chuồng trại thích ứng với bão và ngập lụt - Nâng cao nhận thức người dân trong việc chủ động làm tốt công tác vệ sinh chuồng như phun hóa chất ngay sau bão và ngập lụt - Nâng cao nhận thức và kiến thức trong việc dự trữ và bảo quản thức ăn cho mua mưa bão <p>*Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư chuồng trại nuôi, trang trại đảm bảo
6	Thiếu nước sạch trong và sau bão và ngập lụt	<p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu bồn chứa nước sạch dự trữ - Toàn xã chưa có hệ thống nước máy - Nước đa số bị nhiễm phèn <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nằm vùng trũng thấp ngập lụt - Chất thải từ NTTS và chăn nuôi thải ra - Dòng sông bị vùi lấp không chảy 	<ul style="list-style-type: none"> - Mất điện kéo dài nên không thể dùng nước giếng bơm - Bồn chứa nước nhỏ không đủ nước dự trữ - Giếng nước ngập lụt nên bị ô nhiễm - Chất thải tồn dư trong sản xuất nông nghiệp và khu dân cư - Người dân lấn chiếm lòng sông - Chính quyền xã chưa chú trọng tuyên truyền, một số dân chưa thực hiện hiệu quả 	<p>*Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động và hỗ trợ người dân đầu tư bồn chứa nước kích cỡ lớn - Ngành điện nhanh chóng khắc phục sự cố sau bão và ngập lụt - Xây dựng kế hoạch đưa nước máy về các thôn <p>*Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống nước máy - Đầu nối ống nước

		<p>- Thiếu nước sạch, không đủ để uống</p> <p>*NT/KN:</p> <p>- 80% hộ dân trên địa bàn thiếu nước sạch trong và sau ngập lụt</p>		
7	<p>Người chết và bị thương</p>	<p>VC:</p> <p>- Thiếu thông tin về bão và ngập lụt trên địa bàn</p> <p>*TCXH:</p> <p>- Một số hộ dân không tuân thủ theo cảnh báo nguy hiểm của xã trong bão và ngập lụt</p> <p>- Sơ tán chưa kịp thời</p> <p>- Tổ chức thông báo vận động di dời chưa được quan tâm đúng mức</p> <p>- KH sơ tán chưa đảm bảo an toàn</p> <p>*NT/KN:</p> <p>- Thiếu kỹ năng bơi lội trong khi bão và ngập lụt</p> <p>- Thiếu kỹ năng và kiến thức chặn chống nhà cửa</p>	<p>- Tập huấn và nâng cao kỹ năng sống sót, kiến thức chặn chống nhà cửa không được thường xuyên</p> <p>- Một số người dân chủ quan, ý thức chưa cao về các cảnh báo nguy hiểm của xã</p> <p>- Hệ thống thông tin thường xuyên bị hỏng</p>	<p>*Phi công trình:</p> <p>- Nâng cao và tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng sống sót và kỹ năng chặn chống nhà cửa trong khi bão và ngập lụt như bơi, tránh trú bão</p> <p>- Nâng cao ý thức của người dân về QLRRTT</p> <p>*Công trình:</p> <p>- Đầu tư hệ thống loa hữu tuyến để tránh bị ảnh hưởng do bão</p>
8	<p>Cơ sở hạ tầng công cộng và thủy lợi bị hư hỏng</p>	<p>VC:</p> <p>- Hệ thống kênh mương nội đồng chưa được bê tông hóa</p> <p>- Các CSHT công cộng nằm ở vùng thấp trũng, ngập lụt, hư hỏng và xuống cấp</p> <p>- Một số CSHT công cộng như nhà văn hóa thôn, xã xuống cấp, không đảm bảo an toàn</p> <p>- Hư hỏng hệ thống cột điện và dây điện</p> <p>*TCXH:</p> <p>- Huy động xã hội công trình</p> <p>- Giám sát công trình chưa đảm bảo chất lượng</p> <p>*NT/KN:</p> <p>- Người dân còn chưa có ý thức trong việc duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng công cộng</p>	<p>- Xã và người dân chưa đủ kinh phí để nâng cấp và xây mới bờ kè đúng kỹ thuật PCTT</p> <p>- CSHT xây dựng lâu năm, xuống cấp</p> <p>- Ý thức người dân bảo vệ các công trình hạ tầng công cộng chưa cao</p> <p>- Một số công trình chất lượng chưa đảm bảo</p>	<p>*Phi công trình:</p> <p>- Tuyên truyền cho người dân về kiến thức duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng</p> <p>*Công trình:</p> <p>- Đầu tư và nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng, CSHT công cộng đặc biệt là các nhà văn hóa thôn xã</p> <p>- Gia cố bờ kè: trồng tre hoặc bê tông hóa kiên cố</p>

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (***)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
Nhà ở	-Nâng cấp Sửa chữa lại nhà - Xây nhà an toàn đối với bão, ngập lụt	Hộ hưởng lợi trong toàn xã	- Thống kê số lượng hộ có nhà không an toàn - Lựa chọn hộ hưởng lợi, vị trí an toàn xây nhà - Đề xuất cấp trên - Triển khai thực hiện - Tập huấn mô hình nhà - Xây dựng nhà theo kỹ thuật nhà an toàn - Tuyên truyền PCTT cho người dân - Lập KH phương án sơ tán người dân	X X		Nhà nước - 80% nhà nước, 20% người dân (vốn vay) Nhà nước
Trồng trọt	-Nâng cao kiến thức về trồng trọt,	Hộ trồng trọt	-Tập huấn áp dụng áp khoa học kỹ thuật trồng trọt -Tuyên truyền cho người dân lịch thời vụ - Chuyển đổi giống cây trồng	X		Nhà nước và nhân dân
Phòng chống thiên tai và TỬ ĐỀ KH	- Xây dựng nhà tránh trú an toàn - Nâng cao nhận thức cho cán bộ xã về công tác PCTT - Trang bị phương tiện cứu hộ cứu nạn	Người dân toàn xã BCH PCTT	- Chọn vị trí xây - Thiết kế nhà tránh trú theo kỹ thuật nhà an toàn - Xây dựng nhà tránh trú an toàn - Cùng cố bổ sung phụ nữ tham gia vào các hoạt động PCTT -Tập huấn PCTT cho cán bộ xã - Tập huấn kỹ năng bơi lội cho phụ nữ Tuyên truyền cho người dân về phòng chống thiên tai - Tập huấn sử dụng các phương tiện cứu hộ cứu nạn (thuyền) -Mua sắm trang thiết bị CHCN	X X X		Nhà nước và nhân dân

Y tế và quản lý dịch bệnh	- Chăm sóc sức khỏe cho đối tượng DBTT - Nâng cao nhận thức cho người dân về SK VSMT	Nhóm đối tượng DBTT 4 thôn	- Thống kê, theo dõi DS các nhóm DBTT - Tuyên truyền cho người dân về VSMT	X		Nhà nước và nhân dân
An toàn với người và cộng đồng	- Nâng cao nhận thức cho người dân về công tác PCTT - Nâng cao kỹ năng bơi lội - Xây nhà tránh trú an toàn - Di dời người dân đến nơi an toàn - Nâng cấp trang thiết bị CHCN	4 thôn Học sinh Phụ nữ của Nhóm đối tượng DBTT 4 thôn Xã	- Tuyên truyền PCTT cho người dân - Dạy bơi cho học sinh - Dạy bơi cho phụ nữ - Thiết kế nhà kỹ thuật an toàn - Chọn địa điểm xây dựng - Bỏ sung phương án di dời vào KH PCTT - Mua sắm trang thiết bị CHCN - Tập huấn kỹ thuật sử dụng thuyền - Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu	X X X X X X X	X	Nhà nước và nhân dân Nhà nước và nhân dân
Hạ tầng công cộng	- Nâng cấp sửa chữa trạm bơm Vạn Bông	Thôn Phú Bông	- Xây dựng trạm bơm thôn Vạn Bông		X	Nhà nước
Công trình thủy lợi	- Nâng cấp kênh mương	4 thôn	- Xây dựng 6,5 km kênh mương		X	Nhà nước và nhân dân
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	- Nâng cấp sửa chữa nhà vệ sinh - Nâng cao nhận thức cho người dân về nước sạch VSMT	Hộ hưởng lợi 4 thôn	- Lựa chọn hộ hưởng lợi, lập danh sách đề xuất - Xây nhà vệ sinh HVS - Tuyên truyền cho người dân về VSMT		X	Nhà nước và nhân dân
Chăn nuôi	- Nâng cao kiến thức về chăn nuôi	Hộ chăn nuôi	- Tập huấn áp dụng áp khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Tuyên truyền cho người dân về cách phòng dịch bệnh	X		Nhà nước và nhân dân

Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	- Nâng cấp sửa chữa hệ thống loa truyền thanh - Nâng cao nhận thức cho người dân về công tác PCTT	Toàn xã	- Lắp đặt thay mới các loa hư hỏng - Lắp đặt các biển cảnh báo vùng nguy hiểm - Tập huấn cho cán bộ làm công tác truyền thông PCTT			Nhà nước
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	- Củng cố Đội XK các thôn - Nâng cao nhận thức PCTT	4 thôn	- Bổ sung QĐ Đội XK các thôn có nữ tham gia - Phân công vai trò giới - Tập huấn kiến thức PCTT - Tập huấn kỹ năng bơi lội	X		Nhà nước

3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã

- Hằng năm thiên tai xảy ra ảnh hưởng đến địa bàn người dân
- Lớp tập huấn và đánh giá RRTT-DVCD lần đầu tiên được tổ chức tại địa phương, đã trang bị nhiều kiến thức và kỹ năng cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã. Qua 8 ngày tập huấn và đánh giá, nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng đã biết cách đánh giá và xác định các rủi ro thiên tai, TTDBTT, nguyên nhân và đưa ra các giải pháp
- Giảng viên và đơn vị tổ chức thực hiện (CRD) đầu tư thời gian khá nhiều, hỗ trợ cho xã hoàn thành các báo cáo và kế hoạch PCTT sau 8 ngày tập huấn và đánh giá
- Báo cáo đánh giá một cách toàn diện tình hình thiên tai và ảnh hưởng của thiên tai đến các lĩnh vực trên toàn xã

4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

- Thứ 1 : hằng năm, xã sẽ tiến hành tổ chức đánh giá RRTT và bổ sung cập nhật vào kế hoạch PCTT
- Thứ 2 : kế hoạch PCTT được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã để giải quyết vấn đề rủi ro của người dân đang gặp phải
- Thứ 3 : các đơn vị tổ chức (dự án) có sự hỗ trợ và tổ chức nhiều lớp tập huấn tiếp theo về PCTT cho người dân
- Thứ 4 : phía lãnh đạo xã Duy Trì thông qua báo cáo đánh giá và kế hoạch thực hiện và triển khai ngay trong năm 2018 và những năm tiếp theo

Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã
(đã ký)

4 Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên (Nam/Nữ)	Đơn vị	Số điện thoại
----	-----------------	--------	---------------

1	Đoàn Công Vân	PCT UBND xã	0905432079
2	Lê Hòa	CB Thống kê	0934819175
3	Võ Thị Tuyết	CB Y tế	0915111455
4	Nguyễn Hữu Quy	Phó Công an	0935104542
5	Hồ Thị Kim Thủy	PCT Hội PN xã	01213695701
6	Đoàn Công Giáo	CB Trạm Truyền thanh	0905019017
7	Ngô Minh Quyền	CB Khuyến nông	
8	Đoàn Công Sang	CB Lâm Nghiệp-địa chính	0914738733
9	Phạm Minh Cần	PCT Hội CCB	0905420499
10	Trương Chín	Giáo viên trường THCS	

Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Công cụ 2: LỊCH SỬ THIÊN TAI

Năm/ Tháng	Thiên tai	Đặc điểm/xu hướng TT	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại	Tại sao	Đã làm gì để ứng phó
2009	Bão (số 9)	Sức gió mạnh cấp 9-10, giật cấp 11-12	Toàn xã	<p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chết 02 người nam, bị thương 6 người (3 nữ) -19 nhà sập, tóc mái -04 trụ điện ngã đổ -05km đường giao thông sạt lở -Trường MG xóm Đò Gặp bị tóc mái -05 cụm thu FM và 10 loa hư không hoạt động -Cây ngã đổ gây ách tắc giao thông 	<p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người chết và bị thương - Nhà tạm bợ, ven sông thấp trũng -Rác vướng vào dây điện và nước chảy xiết, tạo lực mạnh dẫn đến ngã trụ điện -Nước xoáy, chảy mạnh, xói đất -Trường nằm vùng trũng, gió mạnh -Thiết bị điện tử để ngoài trời, ứ đọng nước -Thiếu máy cưa, máy xẻ cầm tay phục vụ cho công tác khắc phục 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền hỗ trợ cho người chết, bị thương - Các tổ chức cứu trợ nhu yếu phẩm cho các hộ bị thiệt hại -Có các biển báo nguy hiểm, gia cố đất đá tá lỵ, sau đó bê tông hóa đường -Thu gom tole, lợp và chằng chống lại trường - Thu hồi, sửa chữa khắc phục đưa vào hoạt động -Thuê người khai thông tuyến đường giao thông do cây ngã

2013	Bão (số 11) Nari	Sức gió mạnh 12-13, giật cấp 15-16	Toàn xã	<p>*SXKD: - 9ha hoa màu mất trắng -5ha rừng phòng hộ tróc gốc, ngã đổ -Chợ Bò Chiêm tốc mái -60 hộ dân và 02 cơ sở Hồ Mác Đông Yên và HTX dệt may Duy Trinh nguyên liệu sản xuất ướn và mất trắng</p> <p>*VSMT: -Rác thải sinh hoạt vứt ra môi trường xung quanh. -Xác súc vật chết - Bồn dự trữ nước của 60 hộ dân bể, hỏng</p> <p>Ước thiệt hại: 20,8 tỷ đồng</p> <p>*ATCD: - 03 người bị thương (1nữ) - 01 nhà sập hoàn toàn, 79 nhà tốc mái -5 trụ điện gãy (1 trụ điện lưới QG, 04 trụ điện thủy lợi hóa đất màu), 50m dây điện đứt -MG Duy Trinh, THCS Phú Đông, TH Duy Trinh tốc mái, tốc la phong, sập bờ rào (50m) -Trụ sở UBND xã tốc la phong, bề kinh 12m² -Tốc mái tole, sập mái hiên, hệ thống nước màng sôi hư 20m, nhà xe sập, hàng hóa ướn (Cty Dệt Phú Đông, HTX Dệt may Duy Trinh, Cty Sedovinaco)</p> <p>Ước thiệt hại: 11 tỷ đồng</p>	<p>-Nằm vùng gò cao, gió mạnh *SXKD: -Trồng vùng trũng, xung quanh bờ bao ruộng, lượng mưa lớn, thoát không kịp. - Rừng trên núi cao, gió cấp 12 quạt ngã cây -Cơ sở nằm vùng thấp trũng, nhà có nhiều ô thông gió nhưng chưa được che chắn *VSMT: -Người dân chưa có ý thức trong việc giữ gìn VSMT - Chưa có đội thu gom công trình đô thị - Bồn nước được đặt trên mái nhà hoặc mái nhà vệ sinh *ATCD: - Nhà lợp ngói, xuống cấp, ngói rơi gây tai nạn trong thiên tai - Nhà bán kiên cố nằm trên đồi cao, xung quanh trồng, -Rác vương vào dây điện và nước chảy xiết, tạo lực mạnh dẫn đến ngã trụ điện -Trường nằm vùng trũng, gió mạnh -Nhà có nhiều lỗ thông gió, cửa kính có hở, đất cát bắn vào kính. -Cơ sở nằm vùng thấp trũng, nhà có nhiều ô thông gió nhưng chưa được che chắn</p>	<p>đổ</p> <p>-UBND huyện hỗ trợ giống tái SX - Thu hoạch với những cây đủ năm tuổi - Thu gom tole, dựng bạc che trên mái -Động viên người dân và đề xuất cấp trên hỗ trợ kinh phí.</p> <p>-Vận động người dân dọn VSMT xung quanh; - Y tế hướng dẫn người sử lý môi trường, dịch bệnh, nguồn giếng đào.</p> <p>- Chính quyền hỗ trợ người bị thương - Các tổ chức cứu trợ nhu yếu phẩm cho các hộ bị thiệt hại -Đã đề nghị điện lực dựng trụ điện và khôi phục lại hệ thống điện sau bão -Chằng dây thép và các bao cát trên mái nhà. -Động viên người dân và đề xuất cấp trên hỗ trợ kinh phí.</p>
2016	Bão (số 4)		Toàn xã	<p>*SXKD: -6,5 ha hoa màu vụ đông xuân ngã đổ mất trắng -710 gia súc gia cầm chết Ước thiệt hại: 300 triệu đồng</p>	<p>*SXKD: - Trồng xen canh, gối vụ thâm canh</p>	<p>-Chính quyền hỗ trợ giống mới</p>

<p>2009, 2017</p>	<p>Ngập lụt</p>	<p>Thời gian kéo dài, ngập sâu 2,5-3 mét</p>	<p>Toàn xã (Thị Lai-Phú Bông)</p>	<p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 98% nhà ngập - 250m kênh mương thủy lợi cấp 2 bị sạt lở - 6,5 km kênh mương bị bồi lấp đất - 35m đường giao thông sạt lở - 12 trụ điện phục vụ SXNN ngã đổ, 1,3km đường dây điện đứt (Thị Lai, Đông Yên, Phú Bông) - Trạm bơm bị sạt lở - Người dân thiếu thông tin - Cơ sở hạ tầng ngập sâu trên 2,5m - 80% học sinh (65% nữ), người dân (50%, 15% nữ) không biết bơi. - Thuyền máy có nhưng người lái không có bằng cấp - Học sinh nghỉ học <p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5.000m vải, sợi ướn và mất trắng, 45 máy dệt hư hỏng - 3.000 gia súc gia cầm cuốn trôi 50 bao thức ăn gia súc gia cầm trôi -4 ha hoa màu mất trắng -Lương thực dự trữ ẩm mốc hư -Những hộ buôn bán nhỏ gián đoạn hoạt động kinh doanh - 1.800kg cá trôi, chết <p>*VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thiếu nước sinh hoạt -Lương thực, nước dự trữ không đủ - Nhà vệ sinh ngập -Các bệnh ngoài da, mắt đỏ, dịch tả - 100% giếng đào không dùng được <p>Ước thiệt hại: 100 tỷ đồng</p>	<p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nằm vùng ven sông, trũng - 80% nhà không có lối thoát hiểm khi ngập lụt -10% nhà không có gác lửng, sàn. - Công trình xuống cấp, nền đất yếu, nằm trong dòng chảy xiết - Thông tin liên lạc bị gián đoạn - Trạm bơm xuống cấp nằm sát sông, lũ chảy xiết - Thiếu phương tiện CHCN (ghe, thuyền) - Lái thuyền CHCN chưa được đào tạo -Không có địa điểm để tổ chức dạy bơi cho học sinh - Một số hộ dân còn chủ quan trong công tác PCTT - Đường đi lại ngập sâu <p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xưởng dệt đơn sơ, máy dệt nặng, cồng kềnh, mức lũ lên nhanh vào ban đêm -Chăn nuôi không có chuồng trại -Cây trồng không thích hợp ngập - Nhà dột, độ ẩm cao - Dọn dẹt tránh lũ nên không bán <p>*VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngập lâu ngày, sâu 2,5-3 mét, nguồn nước nhiễm - Người dân dự trữ lương thực, nước uống ít ngày - Thiếu chỗ đi vệ sinh. - Đi lại trong lũ, nguồn nước không hợp vệ sinh - Giếng bị ngập nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Di dời những nhóm đối tượng DBTT và những hộ nằm vùng ngập sâu đến nơi an toàn - Người dân tự dọn dẹp VS nhà - Đã xây dựng 01 hồ bơi trường THCS Duy Trinh - Trường học xây thêm tầng để thiết bị và lưu trữ hồ sơ, tài liệu, tầng dưới dùng dạy học. - Lái thuyền CHCN chưa được đào tạo - Cty điện lực cúp điện để đảm bảo an toàn cho dân - Sử dụng loa cầm tay để thông báo, -Dùng máy phát điện sử dụng hệ thống truyền thanh hữu tuyến của xã để thông báo tình hình ngập lụt. - Khi có công việc cấp thiết thì điều động người có kinh nghiệm lái thuyền (bệnh nặng, sinh đẻ đến nơi KCB) - Thông báo cho học sinh nghỉ học. - Huy động lực lượng dân quân tự vệ, đoàn viên TN hỗ trợ giúp đỡ dân dọn dẹp sau lũ - Nắm DS các hộ thiệt hại. -Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi cho những hộ bị thiệt - Những hộ thiệt hại về dẹt may được hỗ trợ tiền. -Hỗ trợ lương thực khô và nước cho người dân. - Phun thuốc và xử lý nguồn nước, môi trường
-------------------	------------------------	--	-----------------------------------	---	---	--

						<ul style="list-style-type: none"> - Vận động người dân cùng chính quyền ra quân dọn dẹp VS cơ giới. - Dùng xe cơ giới vận chuyển rác thải tập kết đến nơi quy định để xử lý - Nạo vét giếng, xử lý thuốc
2009, 2017	Sạt lở bờ sông		Toàn xã	<p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm bơm Vạn Buồng sạt lở - Sạt lở lấn dần vào khu dân cư <p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi lấp và mất đất SX - Hoa màu mất trắng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nằm sát bờ sông nhưng không có kè bê tông, công trình xuống cấp - Thay đổi dòng chảy. - Chủ quan dựa theo kinh nghiệm xuống giống không theo thời vụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Di chuyển vào sâu 10 mét xây mới (2010)

**BẢNG TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI XÃ DUY TRINH
(Phú Bông, Chiêm Sơn, Thi Lai, Đông Yên)**

Thiên Tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro
------------------	-----------------	------------------------------------	--	---------------

<p>Bão (số 9)</p>	<p>Sức gió mạnh cấp 9-10, giật cấp 11-12</p>	<p>*ATCD: - Người chết và bị thương - Nhà tạm bợ, ven sông thấp trũng -Rác vương vào dây điện và nước chảy xiết, tạo lực mạnh dẫn đến ngã trụ điện -Nước xoáy, chảy mạnh, xói đất -Trường nằm vùng trũng, gió mạnh -Thiết bị điện tử để ngoài trời, ứ đọng nước -Thiếu máy cưa, máy xẻ cầm tay phục vụ cho công tác khắc phục -Nằm vùng gò cao, gió mạnh *SXKD: -Hoa màu vùng trũng, xung quanh bờ bao ruộng, lượng mưa lớn, thoát không kịp. - Rừng trên núi cao, gió cấp 12 quật ngã cây -Cơ sở nằm vùng thấp trũng, nhà có nhiều ô thông gió nhưng chưa được che chắn *VSMT: -Người dân chưa có ý thức trong việc giữ gìn VSMT - Chưa có đội thu gom công trình đô thị - Bồn nước được đặt trên mái nhà hoặc mái nhà vệ sinh</p>	<p>- Chính quyền hỗ trợ cho người chết, bị thương - Các tổ chức cứu trợ nhu yếu phẩm cho các hộ bị thiệt hại -Có các biển báo nguy hiểm, gia cố đất đá tá lỵ, sau đó bê tông hóa đường -Thu gom tole, lợp và chằng chống lại trường - Thu hồi, sửa chữa khắc phục đưa vào hoạt động -Thuê người khai thông tuyến đường giao thông do cây ngã đổ -UBND huyện hỗ trợ giống tái SX - Thu hoạch với những cây đủ năm tuổi - Thu gom tole, dựng bạc che trên mái -Động viên người dân và đề xuất cấp trên hỗ trợ kinh phí. -Vận động người dân dọn VSMT xung quanh; - Y tế hướng dẫn người sử lý môi trường, dịch bệnh, nguồn giếng đào.</p>	<p>Chết người và bị thương</p> <p>CSHT hư hỏng</p> <p>Hoa màu mất trắng Ô nhiễm môi trường</p>
<p>Bão (số 11) Nari</p>	<p>Sức gió mạnh 12-13, giật cấp 15-16</p>	<p>*ATCD: - Nhà lợp ngói, xuống cấp, ngói rơi gây tai nạn trong thiên tai - Nhà bán kiên cố nằm trên đồi cao, xung quanh trống, -Rác vương vào dây điện và nước chảy xiết, tạo lực mạnh dẫn đến ngã trụ điện -Trường nằm vùng trũng, gió mạnh -Nhà có nhiều lỗ thông gió, cửa kính có hở, đất cát bắn vào kính. -Cơ sở nằm vùng thấp trũng, nhà có nhiều ô thông gió nhưng chưa được che chắn</p>	<p>- Chính quyền hỗ trợ người bị thương - Các tổ chức cứu trợ nhu yếu phẩm cho các hộ bị thiệt hại -Đã đề nghị điện lực dựng trụ điện và khôi phục lại hệ thống điện sau bão -Chằng dây thép và các bao cát trên mái nhà. -Động viên người dân và đề xuất cấp trên hỗ trợ kinh phí.</p>	<p>Nhà sập, tóc mái</p>
<p>Ngập lụt</p>	<p>Thời gian kéo dài, ngập sâu 2,5-3 mét</p>	<p>*ATCD: - Nằm vùng ven sông, trũng - 80% nhà không có lối thoát hiểm khi ngập lụt -10% nhà không có gác lửng, sàn. - Công trình xuống cấp, nền đất yếu, nằm trong dòng chảy xiết - Thông tin liên lạc bị gián đoạn - Trạm bơm xuống cấp nằm sát sông, lũ chảy xiết - Trang thiết bị và phương tiện CHCN (ghe, thuyền) chưa đảm bảo.</p>	<p>- Di dời những nhóm đối tượng DBTT và những hộ nằm vùng ngập sâu đến nơi an toàn - Người dân tự dọn dẹp VS nhà - Đã xây dựng 01 hồ bơi trường THCS Duy Trinh - Trường học xây thêm tầng để thiết bị và lưu trữ hồ sơ, tài liệu, tầng dưới dùng dạy học.</p>	<p>Nhà sập, tóc mái</p> <p>CSHT hư hỏng</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Lái thuyền CHCN chưa được đào tạo -Không có địa điểm để tổ chức dạy bơi cho học sinh - Một số hộ dân còn chủ quan trong công tác PCTT - Đường đi lại ngập sâu *SXKD: - Xưởng dệt đơn sơ, máy dệt nặng, công kênh, mức lũ lên nhanh vào ban đêm -Chăn nuôi không có chuồng trại, gia súc gia cầm cuốn trôi, chết -Cây trồng không thích hợp ngập - Nhà dột, độ ẩm cao - Dọn dặt tránh lũ nên không bán *VSMT: - Ngập lâu ngày, sâu 2,5-3 mét, nguồn nước nhiễm - Người dân dự trữ lương thực, nước uống ít ngày - Thiếu chỗ đi vệ sinh. - Đi lại trong lũ, nguồn nước không hợp vệ sinh - Giếng bị ngập nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Lái thuyền CHCN chưa được đào tạo - Cty điện lực cúp điện để đảm bảo an toàn cho dân - Sử dụng loa cầm tay để thông báo, -Dùng máy phát điện sử dụng hệ thống truyền thanh hữu tuyến của xã để thông báo tình hình ngập lụt. - Khi có công việc cấp thiết thì điều động người có kinh nghiệm lái thuyền (bệnh nặng, sinh đẻ đến nơi KCB) - Thông báo cho học sinh nghỉ học. - Huy động lực lượng dân quân tự vệ, đoàn viên TN hỗ trợ giúp đỡ dân dọn dẹp sau lũ - Năm DS các hộ thiệt hại. -Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi cho những hộ bị thiệt - Những hộ thiệt hại về dệt may được hỗ trợ tiền. -Hỗ trợ lương thực khô và nước cho người dân. - Phun thuốc và xử lý nguồn nước, môi trường -Vận động người dân cùng chính quyền ra quân dọn dẹp VS cơ giới. - Dùng xe cơ giới vận chuyển rác thải tập kết đến nơi quy định để xử lý - Nạo vét giếng, xử lý thuốc 	<p>Thiếu phương tiện CHCN</p> <p>Gia súc gia cầm chết</p> <p>Dịch bệnh</p> <p>Thiếu nước sạch</p>
<p>Sạt lở bờ sông</p>		<ul style="list-style-type: none"> *ATCD: -Năm sạt bờ sông nhưng không có kè bê tông, công trình xuống cấp - Thay đổi dòng chảy. *SXKD: - Chủ quan dựa theo kinh nghiệm xuống giống không theo thời vụ - Hoa màu bồi lấp đất 	<ul style="list-style-type: none"> - Di chuyển vào sâu 10 mét xây mới (2010) - Hướng dẫn cho người dân lịch thời vụ 	<p>Hoa màu bị bồi lấp</p>

**TỔNG HỢP XẾP HẠNG RỦI RO THIÊN TAI
XÃ DUY TRINH**

Rủi ro thiên tai	Số phiếu các thông tin						Toàn xã			Thứ tự xếp hạng
	Cụm 1		Cụm 2		Kiểm chứng		Nam	Nữ	Tổng số	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ				
Chết người, bị thương	22	3	3	22	4	8	29	33	62	5
Nhà sập, tốc mái	30	40	40	33	20	23	90	96	186	1
Lúa, hoa màu mất trắng	13	17	27	11	11	13	51	41	92	2
Ô nhiễm môi trường	13	9	9	15	11	15	33	39	72	4
CSHT hư hỏng	14	12	2	11	3	5	19	28	47	7
Thiếu phương tiện CHCN	19	14	18	19	6	11	43	44	87	3
Gia súc gia cầm chết	11	4	4	11	5	11	20	26	46	8
Thiếu nước sạch	14	5	1	14	12	10	27	29	56	6
Tổng cộng:	136	104	104	136	72	96	312	336	648	

Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động tập huấn và đánh giá







Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai⁶

Khái niệm

Đánh giá rủi ro là “Một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các thiên tai có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm.” (UNISDR, 2009 và dự thảo Thuật ngữ 2016).

Giới thiệu Nội dung cơ bản trong đánh giá rủi ro thiên tai, khí hậu

A. Các loại hình thiên tai phổ biến và tần suất, cường độ



- Dạng và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan tại xã
- Các đặc điểm trong quá khứ, tần suất và cường độ thiên tai xảy ra
- Xu hướng biến đổi khí hậu và thiên tai trong tương lai của xã

B. Người dân, cơ sở vật chất và sinh kế trong các vùng thiên tai của xã (Exposures)



- Phân bố dân cư và cơ sở vật chất, sinh kế của xã theo không gian/địa bàn thiên tai

C. Tình trạng dễ tổn thương và năng lực của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế



- Hiện trạng và đặc điểm dân cư, cơ sở vật chất và sinh kế
- Nguyên nhân, năng lực, điểm mạnh yếu của dân cư, cơ sở vật chất, và sinh kế tại các vùng thiên tai trong xã

D. Mức độ Rủi ro với thiên tai và khí hậu của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế tại xã



- Đánh giá, phân lớp các rủi ro thiên tai khí hậu và mức độ rủi ro cho từng ngành/lĩnh vực theo nhu cầu
- Có thể bản đồ hóa các lớp thông tin đánh giá dựa trên kết quả của xã

Việc đánh giá rủi ro thiên tai⁷ bao gồm nhận định và phân tích các nội dung liên quan đến:

- (i) nhận định đặc điểm của các hiện tượng thiên tai như vị trí, tần suất, cấp độ, cường độ và xác suất xảy

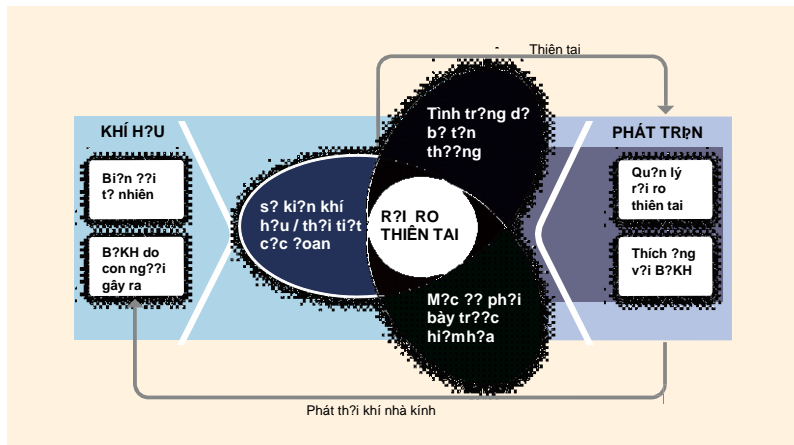
⁶Nguồn tham khảo: Dự thảo hướng dẫn của UNDP-Bộ NN&PTNT – Tài liệu kỹ thuật về Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu)

⁷Các hoạt động này cũng còn được gọi là quá trình phân tích rủi ro (Dự thảo Sổ tay thuật ngữ về rủi ro thiên tai, 2016)

ra;

- (ii) phân tích mức độ bị phơi bày của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai;
- (iii) phân tích điều kiện dễ bị tổn thương của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai đó ở mọi góc độ xã hội, y tế, kinh tế, môi trường;
- (iv) đánh giá hiệu quả năng lực sẵn có hoặc các năng lực thay thế (dự phòng) để có thể đối phó với các tình huống thiên tai khác nhau⁸ ;

Việc đưa ra định nghĩa hay khái niệm về đánh giá rủi ro thiên tai chỉ mang tính tương đối và còn chưa hoàn toàn nhất quán về cách tiếp cận và phương pháp⁹. Bản thân công tác quản lý rủi ro thiên tai cũng còn khá mới so với các lĩnh vực phát triển khác trên toàn cầu (khoảng từ đầu những năm 1990). Tại các quốc gia, việc quản lý rủi ro thiên tai trong những thập kỷ trước kia đa phần tập trung nhiều vào các công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hơn là coi đây là một mặt của vấn đề phát triển.



Đánh giá rủi ro thiên tai có thể được thực hiện ở các quy mô khác nhau (toàn cầu, quốc gia, tỉnh, thành phố/thị trấn, huyện, xã, thôn) và có thể được thực hiện cho các lĩnh vực khác nhau.

Nội dung đánh giá

Có bốn nội dung đánh giá rủi ro phải đề cập tới, đó là:

Đánh giá Thiên tai ¹⁰: nhận biết những thiên tai nào gây ảnh hưởng tới cộng đồng, một bản chất và diễn biến của mỗi thiên tai trên khía cạnh tần suất, cường độ, xuất hiện theo mùa, vị trí, dấu hiệu cảnh báo, khả năng cảnh báo sớm và hiểu biết chủ ngữ của mọi người về thiên tai.

Về bản chất, thiên tai có thể chia làm hai loại: (i) các hiện tượng thiên tai tự nhiên như lũ, bão, hạn hán và động đất có khả năng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến người và tài sản; và các hiện tượng thiên tai do

⁸Trong nhiều trường hợp, người ta coi năng lực là điều kiện đối ngược của tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, trên thực tế có nhiều phương pháp đánh giá không tách biệt đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương ra khỏi việc phân tích đánh giá năng lực.

⁹Hiện nay UNISDR đang tiến hành tổng hợp số tay thuật ngữ mới trong công tác giảm rủi ro thiên tai (http://www.preventionweb.net/files/47136_workingtextonterminology.pdf). Việc đưa ra định nghĩa về đánh giá rủi ro thiên tai về bản chất chỉ mang tính tương đối. Dựa vào mục đích đánh giá khác nhau, việc đánh giá RRTT sẽ có cách tiếp cận và phương pháp khác nhau chứ không cố định ở một số quy tắc nhất định.

¹⁰Trong bài viết tác giả dùng từ Hiểm họa – Hazard, là một khái niệm dành cho các nhà nghiên cứu, để dễ hiểu và đồng nhất với các chương khác, ban biên tập chuyển thành thuật ngữ “Thiên tai”.

các quy trình quá trình hoạt động sản xuất của con người gây ra như quá trình đô thị hóa, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, v.v. Các quy trình/quá trình này hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp và khó tách biệt về mặt bản chất của hiện tượng là do tự nhiên hay con người gây ra.

Thiên tai khác nhau về mức độ, quy mô, tần suất và thường được phân loại theo các nguyên nhân gây ra thiên tai khác nhau như địa lý, thủy văn, khí tượng và khí hậu.

Các kiến thức về thiên tai thường có thể thu thập từ các nguồn như:

- Các kinh nghiệm truyền thống, bản địa và kiến thức địa phương
- Các báo cáo nghiên cứu đánh giá khoa học kỹ thuật
- Các báo cáo theo dõi giám sát về dịch vụ khí tượng thủy văn
- Các mô hình khí tượng thủy văn, mô hình phân loại phân vùng thiên tai.

Đánh giá mức độ phơi bày trước thiên tai (Exposure): nhận biết mức độ hiện diện của con người và tài sản (như sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa v.v.) (chỉnh sửa từ SREX, Chương 2).

Các kiến thức về mức độ phơi bày thường có thể thu thập từ các kết quả điều tra dân số, ảnh vệ tinh, dữ liệu GIS, các báo cáo quy hoạch kế hoạch và các kinh nghiệm lịch sử về các sự kiện thiên tai. v.v. Các thông tin này thường được thể hiện dưới dạng bản đồ, bao gồm:

- Bản đồ phân bố theo không gian (địa phương, vùng v.v) và thời gian (ngày/tháng/năm) về người và cơ sở hạ tầng, ví dụ: bản đồ hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ hành chính và dân số, v.v.
- Bản đồ phân vùng thiên tai lũ, bão, hạn hán v.v. theo không gian và thời gian

Mức độ phơi bày trước thiên tai chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là đủ để quyết định khả năng chịu rủi ro thiên tai. Quy mô về tần suất, thời gian và không gian phơi bày trước thiên tai cũng rất quan trọng. Cùng sinh sống tại vùng lũ lụt, nhưng khả năng rủi ro với hộ dân ở vùng cao và vùng trũng là khác nhau hay nói cách khác, mức độ chịu ảnh hưởng của lũ lụt của hộ dân ở khu vực ở cùng trũng sẽ cao hơn hộ dân ở vùng cao. Nếu một người chỉ đến một nơi bị nào đó bị bão, mức độ phơi bày trước bão của người đó tăng lên. Nếu người đó phải liên tục di chuyển trong vùng lũ, họ sẽ có nguy cơ cao gặp nhiều rủi ro lũ lụt. Ngược lại, nếu được cảnh báo sớm và những người dân được sơ tán kịp thời, mức độ phơi bày trước thiên tai của họ giảm đi (IPCC, 2012 trang 237).

Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), Huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã di dời được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở trên thị trấn (JANI, 2011 trang 26). Tương tự như vậy, việc di dời 60.000 dân (khoảng 16.000 hộ gia đình) kịp thời ở tỉnh Quảng Nam trước cơn bão số 9 (bão Ketsana) cuối tháng 9 năm 2009 đã giảm thiểu mức thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và chính quyền (JANI, 2011 trang 28).

Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương (Vulnerability): là việc nhận biết các điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường hoặc các đặc điểm của các quá trình/quy trình hoạt động sản xuất của con người, mà vì các điều kiện/đặc điểm đó có khả năng làm tăng nguy cơ một cá nhân và/hoặc cộng đồng phải chịu tác động đến các thiên tai khác nhau (UNISDR, 2004; Dự thảo Thuật ngữ 2016).

Các nguồn thông tin kiến thức chủ yếu liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương thường được thu thập từ:

- Các kiến thức địa phương, kinh nghiệm bản địa
- Các chỉ số kinh tế xã hội của địa phương, chính quyền
- Các báo cáo đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, báo cáo xã hội học (nhân chủng, dân tộc, văn hóa, hệ chính trị, v.v)

Việc đánh giá này nhằm nhận biết ai, cái gì chịu rủi ro đối với mỗi loại thiên tai và tại sao chúng có rủi ro (phân tích nguyên nhân căn bản). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giúp nhận biết được đâu là các cá nhân, hộ gia đình, các nhóm dân cư, tài sản và hoạt động sản xuất dễ chịu ảnh hưởng nhất từ thiên tai nào đó. Ví dụ: mặc dù cùng có nguy cơ thiên tai và mức độ phơi bày trước thiên tai như nhau, nhưng hộ nghèo thường sẽ dễ bị tác động tiêu cực của thiên tai hơn các hộ dân có điều kiện sống trung bình và khá giả.

Đánh giá tình trạng tổn thương là một trong hai điều kiện đủ để có thể xác định xem một cá nhân hay cộng

đồng đang ở trên một địa bàn nhất định có bị tác động của thiên tai hay không. Ví dụ: Một hộ nông dân mà sinh kế chính của gia đình là nông nghiệp (dễ bị tổn thương với các điều kiện khí hậu, sinh kế phụ thuộc vào thời tiết), và sống ở vùng thường xuyên có lũ thì nhiều khả năng sẽ thường xuyên xảy ra mất mùa đói kém do lũ.

Trong thực tế, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là việc tập hợp nhiều điều kiện và đặc điểm có yếu tố bất lợi của một cá nhân hoặc một cộng đồng trong việc đối phó với thiên tai trên nhiều góc độ (tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường, và quá trình/quy trình khác nhau). Một hộ dân càng có nhiều điều kiện dễ bị tổn thương thì sẽ càng dễ có nguy cơ bị tổn thất với các thiên tai.

Đánh giá Năng lực (Capacity): là khái niệm để chỉ quá trình nhận biết và xác định các nguồn lực và năng lực của con người hoặc của cộng đồng nhằm phòng tránh, ứng phó và phục hồi từ những tác động của các thiên tai. Năng lực ở đây được hiểu bao gồm việc kiểm soát và quản lý các nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên, các kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc quản lý tổ chức quy hoạch tại địa phương để quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng chống chịu.

Việc đánh giá năng lực cũng được hiểu là quá trình tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong từng cá nhân, cộng đồng, xã hội và tổ chức có thể được sử dụng nhằm giảm các rủi ro do một thiên tai nhất định gây ra. Năng lực có tính động và thay đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Việc đánh giá năng lực cũng được coi là điều kiện đủ thứ hai để xác định mức độ rủi ro thiên tai của cá nhân hoặc cộng đồng.

Lưu ý: Trong đánh giá rủi ro thiên tai, năng lực là khái niệm trái ngược với điều kiện dễ bị tổn thương. Năng lực dùng để chỉ các điểm mạnh/đặc điểm tích cực của người dân có thể thực hiện để đối phó với thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương dùng để chỉ các điểm yếu/các điểm hạn chế mà người dân tại địa phương đang gặp phải khiến họ không thể giải quyết được các tác động tiêu cực trong hoàn cảnh thiên tai. Với mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau, năng lực cũng như tình trạng dễ bị tổn thương của họ là khác nhau.

Như vậy, đánh giá mức độ rủi ro thiên tai (Risk) là quá trình tổng hợp các đánh giá về thiên tai, mức độ phơi bày, các điều kiện dễ bị tổn thương và năng lực của cá nhân hoặc cộng đồng để đưa ra các nhận định, ước lượng về mức độ nguy cơ tổn thất mà thiên tai có thể gây ra về mặt kinh tế, xã hội, tự nhiên hay môi trường.

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai là thước đo và phân loại các rủi ro thiên tai mà cá nhân, cộng đồng hay một hệ thống phải đối mặt. Đây là cơ sở cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro của cộng đồng và các cơ quan nhà nước ở các cấp. Hiểu được rủi ro thiên tai, người ra có thể thiết lập thứ tự ưu tiên ở địa phương cho các hoạt động và phát triển cộng đồng sao cho các rủi ro và các chương trình khác phục hậu quả có thể được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của người dân đến năm được kiến thức ở địa phương và đảm bảo rằng các kế hoạch QLRRTT phù hợp với các vấn đề ở địa phương.